

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN HUỆ

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Phạm Hà Bảo Chí	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Phan Ngọc Ánh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
3	Nguyễn Hữu Tuấn	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
4	Đỗ Thị Cẩm Vân	Văn thư	Thư ký HĐ	
5	Trịnh Thị Linh	Giáo viên	Thư ký HĐ	
6	Nguyễn Thị Thân	Giáo viên	Thư ký HĐ	
7	Lê Thị Hồng Phước	Chủ tịch công đoàn	Ủy viên HĐ	
8	Đỗ Thị Chuyên	Tổ trưởng CM	Thư ký HĐ	
9	Trần Thị Kim Hoàng	Tổ trưởng CM	Ủy viên HĐ	
10	Phan Trọng Thảo	Tổ trưởng CM	Ủy viên HĐ	
11	Tô Thị Oanh Kiều	Tổ trưởng CM	Ủy viên HĐ	
12	Trần Thị Thanh Thảo	Tổ trưởng CM	Ủy viên HĐ	
13	Lê Ái Châu	Tổ trưởng CM	Ủy viên HĐ	
14	Nguyễn Thị Tâm	Tổ trưởng CM	Ủy viên HĐ	
15	Lê Văn Nga	Giáo viên	Ủy viên HĐ	
16	Hoàng Phúc Thị Minh Hiền	Tổng Phụ trách Đội	Ủy viên HĐ	
17	Lê Đức Tài	Trưởng ban thanh	Ủy viên HĐ	

		tra		
18	Đinh Quang Vinh	Tổ trưởng tổ văn phòng	Ủy viên HĐ	
19	Lê Thị Tím	Nhân viên thiết bị	Ủy viên HĐ	
20	Phan Thị Quỳnh Như	Nhân viên thiết bị	Ủy viên HĐ	
21	Nguyễn Uyên Phương	Nhân viên thư viện	Ủy viên HĐ	
22	Trần Minh Lộc	Giáo viên	Ủy Viên HĐ	
23	Đường Hồng Phúc	Giáo viên	Ủy viên HĐ	
24	Nguyễn Thị Vinh	Giáo viên	Ủy viên HĐ	
25	Nguyễn Thị Huyền Trang	Giáo viên	Ủy viên HĐ	
26	Bùi Thị Hoàng Vân	Giáo viên	Ủy viên HĐ	

Bà Rịa – Vũng Tàu, 2019

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	14
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	
Tiêu chuẩn 1	
Mở đầu	15
Tiêu chí 1.1	15
Tiêu chí 1.2	17
Tiêu chí 1.3	18
Tiêu chí 1.4	21
Tiêu chí 1.5	23
Tiêu chí 1.6	24
Tiêu chí 1.7	26
Tiêu chí 1.8	28
Tiêu chí 1.9	29
Tiêu chí 1.10	30
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	32
Tiêu chuẩn 2	
Mở đầu	33
Tiêu chí 2.1	33
Tiêu chí 2.2	35
Tiêu chí 2.3	38
Tiêu chí 2.4	40
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	41
Tiêu chuẩn 3	
Mở đầu	42
Tiêu chí 3.1	42
Tiêu chí 3.2	43
Tiêu chí 3.3	45
Tiêu chí 3.4	46
Tiêu chí 3.5	48
Tiêu chí 3.6	49
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	51
Tiêu chuẩn 4	
Mở đầu	52
Tiêu chí 4.1	52
Tiêu chí 4.2	53
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	56
Tiêu chuẩn 5	

Mở đầu	56
Tiêu chí 5.1	57
Tiêu chí 5.2	59
Tiêu chí 5.3	61
Tiêu chí 5.4	63
Tiêu chí 5.5	64
Tiêu chí 5.6	66
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	70
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	70
<i>Kết luận</i>	
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	71
Phần IV. PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

QĐ	QUYẾT ĐỊNH
PGDDĐT	PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
CNTT	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
HĐND	HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
CMHS	CHA MẸ HỌC SINH

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	-
Tiêu chí 1.2		X	X	-
Tiêu chí 1.3		X	X	-
Tiêu chí 1.4		X	X	-
Tiêu chí 1.5		X	X	-
Tiêu chí 1.6		X	X	-
Tiêu chí 1.7		X	X	-
Tiêu chí 1.8		X	X	-
Tiêu chí 1.9		X	X	-
Tiêu chí 1.10		X	X	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	-
Tiêu chí 2.2		X	X	-
Tiêu chí 2.3		X	X	-
Tiêu chí 2.4		X	X	-
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	-
Tiêu chí 3.2		X	X	-
Tiêu chí 3.3		X	X	-
Tiêu chí 3.4		X	X	-
Tiêu chí 3.5		X	X	-
Tiêu chí 3.6		X	X	-
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	-
Tiêu chí 4.2		X	X	-
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	-
Tiêu chí 5.2		X	X	-
Tiêu chí 5.3		X	X	-
Tiêu chí 5.4		X	X	-
Tiêu chí 5.5		X	X	-
Tiêu chí 5.6		X	X	-

Kết quả: Đạt Mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	

Kết quả: /

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2

Phần I CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trung học cơ sở Nguyễn Huệ
Cơ quan chủ quản: UBND huyện Long Điền

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Bà Rịa – Vũng Tàu	Họ và tên hiệu trưởng	Phạm Hà Bảo Chí
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Long Điền	Điện thoại	0932808158
Xã / phường/thị trấn	Phước Hưng	Fax	
Đạt chuẩn quốc gia	X	Website	https://edu.viettel.vn/vtu-longdien-trung học cơ sởnguyenhue
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2010	Số điểm trường	
Công lập	X	Loại hình khác	
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019
Khối lớp 6	7	8	8	8	6
Khối lớp 7	7	7	8	7	8
Khối lớp 8	7	7	6	7	7
Khối lớp 9	6	6	6	6	6
Cộng	27	28	28	28	28

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Ghi chú
----	---------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	---------

I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	33	33	33	33	33	
1	Phòng học	24	24	24	24	24	
a	Phòng kiên cố	24	24	24	24	24	
b	Phòng bán kiên cố	/	/	/	/	/	
c	Phòng tạm	/	/	/	/	/	
2	Phòng học bộ môn	6	6	6	6	6	
a	Phòng kiên cố	6	6	6	6	6	
b	Phòng bán kiên cố	/	/	/	/	/	
c	Phòng tạm	/	/	/	/	/	
3	Khối phục vụ học tập	3	3	3	3	3	
a	Phòng kiên cố	4	4	4	4	4	
b	Phòng bán kiên cố	/	/	/	/	/	
c	Phòng tạm	/	/	/	/	/	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	10	10	10	10	10	
1	Phòng kiên cố	10	10	10	10	10	
2	Phòng bán kiên cố	/	/	/	/	/	
3	Phòng tạm	/	/	/	/	/	
III	Thư viện	1	1	1	1	1	
IV	Các công	/					

	trình, hồi phòng chức năng khác (nếu có)						
...							
	Cộng	44	44	44	44	44	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1					1	
Phó hiệu trưởng	2	1				2	
Giáo viên	51	39			5	46	
Nhân viên	5	4				5	
NV hợp đồng NĐ 68	3	1			3		
Cộng	62	45			8	54	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2014-2015	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019
1	Tổng số giáo viên	51	51	51	51	51
2	Tỉ lệ giáo viên/lớp	1,9	1,9	1,9	1,9	1,9
3	Tỉ lệ giáo viên/học sinh	6	5,9	5,6	5,5	5,7
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	7	7	9	9	9
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	2	2	3	3	4

4. Học sinh

a) Số liệu chung

T T	Số liệu	Năm học 2014- 2015	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	843	841	890	929	946	
	- Nữ	420	430	461	477	480	
	- Dân tộc thiểu số	5	5	3	3	6	
	- Khối lớp 6	246	254	257	275	3	
	- Khối lớp 7	225	214	247	246	2	
	- Khối lớp 8	192	201	198	223	0	
	- Khối lớp 9	180	172	188	185	1	
2	Tổng số tuyển mới	243	253	253	274	238	
3	Học 2 buổi/ngày	843	841	890	929	946	
4	Bán trú						
5	Nội trú						
6	Bình quân số học sinh/lớp học	32	31	32	34	37	
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	721 85,5%	733 87,2%	801 90%	846 91,1%	872 92,2%	
	- Nữ	384	397			462	
	- Dân tộc thiểu số	4	4				
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)		39/3	43/18	23/9	14/4	
9	Tổng số học			5			

	sinh giỏi quốc gia (nếu có)						
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	170	100	198	116	77	
	- Nữ	87	48	105	72	56	
	- Dân tộc thiểu số						
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt						
12	Số học sinh Tốt nghiệp THCS	177/180 98,3%	166/172 96,5%	185/188 98,4%	185/185 100%	213/214 99,5%	
13	Số Học sinh thi đỗ vào lớp 10	148 82,2%	126 73,3%	120 63,8%	107 57,8%	130 60,7%	

c) Kết quả giáo dục (đối với trường TRUNG HỌC CƠ SỞ, TRUNG HỌC PHỔ THÔNG và trường phổ thông có nhiều cấp học)

Số liệu	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Ghi chú
Tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi	148/843 17,56%	99/587 16,87%	53/386 13,73%	185/929 19,91%	210/946 22,2%	
Tỉ lệ học sinh xếp loại khá	273/843 32,38%	185/587 31,52%	125/386 32,38%	319/929 34,34%	338/946 35,73%	
Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	30/843 3,91%	15/587 2,55%	6/386 1,56%	7/929 0,76%	7/946 0,74%	
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	657/843 77,94%	457/587 77,85%	310/386 80,31%	788/929 84,82%	844/946 89,22%	
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	156/843 18,51%	126/587 21,47%	75/386 19,43%	141/929 15,18%	102/946 10,78%	
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	10/843 1,19%	3/587 0,51%	1/386 0,26%	/	/	
Tỉ lệ học sinh hoàn thành (TN THCS) chương trình lớp học	98,3%	96,5%	98,4%	100%	99,5%	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường:

Trường trung học cơ sở Nguyễn Huệ được thành lập từ năm 2010, thuộc ấp Lò Vôi – xã Phước Hưng - huyện Long Điền - Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Số lượng học sinh của trường tăng theo từng năm học. Năm học 2018–2019, trường có 28 lớp với tổng số học sinh là 946 em;

Thuận lợi cơ bản của nhà trường là 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn, đa số giáo viên trẻ, có ý thức trách nhiệm. Hầu hết các em học sinh ngoan, lễ phép, chịu khó học tập và rèn luyện. Bên cạnh đó, trường cũng có những khó khăn nhất định như giáo viên mới ra trường kinh nghiệm giảng dạy còn hạn chế ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của mình; phần lớn học sinh thuộc gia đình lao động nghèo, kinh tế không ổn định (làm mướn, phụ hồ,...), phụ huynh tập trung lo cho cuộc sống nên mức độ quan tâm đến việc học của con em còn hạn chế;

Công tác quản lý chất lượng của nhà trường trong những năm qua được thực hiện tốt: tổ chức thực hiện đúng đủ chương trình; kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên thường xuyên, phân công chuyên môn hợp lý, đúng năng lực; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin qua các chuyên đề, tổ chức bồi dưỡng giáo viên; sắp thời khóa biểu bằng phần mềm Smarth Schedule và quản lý điểm của học sinh bằng phần mềm VNEDU giúp cho việc xếp thời khóa biểu khoa học hơn, đồng thời quản lý điểm chặt chẽ, giúp cho việc nhập điểm, tính điểm trung bình và phân loại học lực của học sinh một cách chính xác; lưu trữ bài kiểm tra của học sinh đúng quy định; tổ chức các kỳ kiểm tra nghiêm túc;

Trong những năm qua, trường trung học cơ sở Nguyễn Huệ đã từng bước khẳng định được uy tín, chất lượng của trường so với các trường trong huyện Long Điền. Trường có nhiều cán bộ, giáo viên được công nhận từ danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp tỉnh và Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh. Nhiều năm liền nhà trường có tỷ lệ học sinh giỏi huyện, tỉnh. Tỷ lệ học sinh được công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở đạt từ 95,8% đến 99%, tỷ lệ học sinh trúng tuyển vào lớp 10 trung học cơ sở đạt từ 93,8% - 97,4% (thống kê tỉ lệ trên số lượng học sinh đăng ký dự thi), ngoài ra nhà trường luôn giữ chất lượng đại trà ở mức bình quân 90%;

Tiếp tục thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua do ngành phát động, trường đã quan tâm đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Tổ chức thực hiện tốt phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học. Thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch giảng dạy và các hoạt động ngoại khóa.

Nhà trường có đội ngũ ổn định, đoàn kết và tinh thần trách nhiệm cao, nhiều năm liền đạt danh hiệu tập thể Lao động tiên tiến.

2. Mục đích TĐG

Nhằm xác định mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn của nhà trường;

Duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

Thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và Chuẩn Quốc gia.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường trung học cơ sở Nguyễn Huệ hiện nay có đủ cơ cấu tổ chức phù hợp với quy định của Điều lệ trường trung học. Có đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đủ số lượng theo cơ cấu về môn học, đạt tiêu chuẩn về phẩm chất và trình độ đào tạo, bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục trung học;

Nhà trường có Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật, các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng, Chi bộ Đảng, Công đoàn cơ sở, Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh, Ban đại diện cha mẹ học sinh, tổ tư vấn tâm lý học đường,...

Các tổ chức, hội đồng hoạt động đúng theo quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định hiện hành. Nhà trường thực hiện đầy đủ các hoạt động quản lý, xây dựng chiến lược phát triển nhà trường, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá theo đúng quy chế góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường.

Công tác khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh được nhà trường thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan đúng theo các quy định hiện hành.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các

phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng chiến lược phát triển hàng năm và tầm nhìn đến 2020 [H1-1.1-01], chiến lược phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Điều 27 Văn bản hợp nhất Luật giáo dục số 07/VBHN-VPQH ngày 31 tháng 12 năm 2015; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn; phù hợp với nguồn lực hiện có của nhà trường; [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

b) Hàng năm chiến lược của nhà trường đều được Lãnh đạo Phòng giáo dục và đào tạo huyện phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Chiến lược phát triển của nhà trường được công bố công khai trước toàn thể hội đồng sư phạm, được niêm yết tại trường và trên website (<https://edu.viettel.vn/vtu-longdien-trunghoccosonguyenhue>) của trường. [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển theo từng giai đoạn, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được bổ sung hàng năm phù hợp với tình hình thực tế địa phương [H1-1.1-01]; [H1-1.1-04]

2. Điểm mạnh

Các mục tiêu trong chiến lược phát triển có tính chất khả thi, phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường và địa phương trong từng giai đoạn

Chiến lược phát triển có sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, được Lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt đảm bảo tính pháp lý của chiến lược;

Chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục và định hướng phát triển nhà trường, được công khai rộng rãi tại trường và trang Web của trường.

3. Điểm yếu

Nội dung chiến lược có một số phần mang tính chủ quan, chưa huy động được nhiều ý kiến đóng góp cho chiến lược phát triển từ phía phụ huynh, chiến lược chưa được đăng tải rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phổ biến đến cha mẹ học sinh chiến lược phát triển trong các phiên họp toàn thể cha mẹ học sinh định kỳ hàng năm

Tổ chức tuyên truyền, lấy ý kiến đông đảo giáo viên, nhân viên góp ý điều chỉnh kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020 và xây dựng kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020-2025

Thực hiện đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trên website của Phòng giáo dục và đào tạo

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường trường trung học cơ sở Nguyễn Huệ được thành lập và kiện toàn gồm 14 thành viên theo Quyết định số 259/QĐ-PGDĐT ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Phòng GD&ĐT Long Điền, Chủ tịch Hội đồng thầy Phạm Hà Bảo Chí (Căn cứ Điều 20 Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học) [H2-1.2-01] ngoài ra trường còn thành lập các Hội đồng: Hội đồng Thi đua, khen thưởng (thành lập theo Quyết định số 61 ngày 20/08/2018); tổ tư vấn tâm lý (gồm 7 thành viên, tổ trưởng là thầy Nguyễn Hữu Tuấn-Phó hiệu trưởng), mỗi tổ, mỗi hội đồng đều có xây dựng quy chế hoạt động cụ thể; [H3-1.2-02]; [H4-1.2-03];

b) Hội đồng trường đề ra mục tiêu, chiến lược, các dự án, kế hoạch và phương hướng phát triển của nhà trường, cụ thể trong năm học 2017-2018 Hội đồng trường đã đề xuất sửa chữa cơ sở vật chất, lát nền gạch và sơn mới toàn trường, Năm học 2018-2019 Hội đồng trường đã lập kế hoạch đề xuất cấp trên cấp bổ sung phòng máy vi tính phục vụ giảng dạy cho học sinh. Các hoạt động, chỉ tiêu hàng năm đều thông qua Hội đồng trường. Quy chế dân chủ ở nhà trường được Hội đồng trường giám sát chặt chẽ (Chức năng và quyền hạn của Hội đồng trường thực hiện theo Điều 20 Điều lệ trường Trung học); chức năng, quyền hạn của các thành viên trong Hội đồng trường được quy định cụ thể trong quy chế; đối với Hội đồng thi đua, khen thưởng và các Hội đồng khác được quy định tại Điều

21 Điều lệ trường trung học; [H3-1.2-02]; [H4-1.2-03]

c) Hội đồng trường tổ chức họp 2 lần/ năm học, tại các cuộc họp Hội đồng trường có rút kinh nghiệm, đồng thời rà soát những hoạt động phát sinh, kịp thời bổ sung vào Nghị quyết của Hội đồng trường; [H1-1.1-06]; [H1-1.1-04]

Mức 2:

Hội đồng trường hoạt động có hiệu quả, các buổi họp của Hội đồng luôn đề ra được giải pháp cụ thể, tạo được sự đồng thuận và nhất trí cao trong Hội đồng [H1-1.1-04];

2. Điểm mạnh

Kịp thời kiện toàn Hội đồng trường khi có sự thay đổi về nhân sự quản lý, các thành viên trong Hội đồng trường là những người trách nhiệm, có tầm nhìn và tâm huyết xây dựng phát triển nhà trường;

Các buổi họp của Hội đồng trường được ghi chép cẩn thận, được biểu quyết và trở thành Nghị quyết của Hội đồng trường, đảm bảo tính pháp lý theo quy định;

Định kỳ có rà soát, đánh giá những hoạt động của nhà trường, Hội đồng thi đua, khen thưởng hoạt động hiệu quả, công tâm; các Hội đồng khác hoạt động tích cực góp phần vào thành tích chung của tập thể nhà trường;

3. Điểm yếu

Việc góp ý, xây dựng trong các buổi họp Hội đồng trường còn rất ít hoặc không có, phần lớn do Chủ tịch Hội đồng (Hiệu trưởng) quyết;

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Các buổi họp Hội đồng trường phải thể hiện rõ sự phát huy tính dân chủ, tinh thần trách nhiệm trong từng thành viên, phải có nhiều ý kiến và giải pháp để tháo gỡ những khó khăn hiện tại, đồng thời đưa ra giải pháp hiệu quả, thiết thực để bổ sung vào Nghị quyết nhằm nâng cao năng lực hoạt động của Hội đồng trường;

Trong năm học 2019-2020 nhà trường thành lập thêm các tổ như: tổ chuyên môn để kịp thời tư vấn giúp đỡ những giáo viên chưa có nhiều kinh nghiệm trong phương pháp giảng dạy, định hướng tham mưu lãnh đạo nhà trường các phương pháp giảng dạy mới hiệu quả tiếp cận với những sự thay đổi về chương trình giáo dục phổ thông mới trong những năm học tới; tổ tư vấn giáo viên chủ nhiệm, đây là tổ giúp giáo viên chủ nhiệm thực hiện và hoàn thành các công việc như vận động học sinh ra lớp nhằm ngăn ngừa tình trạng học sinh bỏ học, giúp giáo viên chủ nhiệm tìm ra giải pháp hiệu quả trong giáo dục đạo đức học sinh, tạo sự kết hợp hài hòa giữa giáo viên bộ môn và giáo viên chủ nhiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 43-QĐ/ĐU ngày 22/2/2011 của Đảng ủy xã Phước Hưng, đến nay Chi bộ có 30 đảng viên. Ban Chi ủy gồm 3 đồng chí, Bí thư chi bộ là đồng chí Phạm Hà Bảo Chí – Hiệu trưởng, Ban chỉ ủy được thành lập theo Quyết định số 92-QĐ/ĐU ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Đảng ủy xã Phước Hưng [H5-1.3-01];

Công đoàn trường được thành lập và kiện toàn theo nhiệm kỳ, Ban chấp hành công đoàn trường gồm 5 thành viên, được thành lập theo Quyết định của Liên đoàn lao động huyện Long Điền [H6-1.3-02], đến nay tổ chức công đoàn nhà trường gồm 63 Công đoàn viên; [H7-1.3-03];

Ban chấp hành Chi đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh được công nhận theo Quyết định số 112-QĐ/ĐTN ngày 01/10/2018 của Đoàn cơ sở xã Phước Hưng, đến nay chi đoàn gồm 07 đoàn viên [H8-1.3-04];

Trường có tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Liên đội nhà trường hàng năm có tổ chức Đại hội và bầu ra Ban chỉ huy Liên đội, Ban Chỉ Liên đội được thành lập theo Quyết định số 126 /QĐ-HĐĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Hội đồng đội huyện Long Điền [H9-1.3-05].

b) Công đoàn nhà trường có xây dựng quy chế hoạt động [H6-1.3-02], quy chế hoạt động của Công đoàn được xây dựng theo quy định tại Mục 8, chương II của hướng dẫn 238/HD/TLĐ ngày 4/3/2014 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc hướng dẫn thi hành điều lệ Công đoàn Việt Nam. Hàng năm Công đoàn trường đều tổ chức Hội nghị Cán bộ, công chức, viên chức. Tham mưu cấp

ủy đảng thực hiện các nhiệm vụ khác, phối hợp với Hiệu trưởng tổ chức các hoạt động cho giáo viên, nhân viên toàn trường nhân các ngày lễ lớn như: 20/10, 8/3, tham quan trong dịp hè với nhiều hình thức vui, khỏe, đoàn kết. Tham gia các hoạt động văn nghệ, ẩm thực của địa phương và của ngành tổ chức nhân dịp Tết Nguyên Đán.

Hàng năm Liên đội và Chi đoàn nhà trường đều xây dựng kế hoạch cụ thể, Chi đoàn nhà trường luôn bám sát và thực hiện các kế hoạch hoạt động của Đoàn cơ sở xã Phước Hưng, xây dựng kế hoạch hoạt động từng năm và hoạt động theo Điều lệ của BCH Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi đoàn tham các hoạt động tình nguyện tại địa phương, tham mưu cấp ủy chi bộ và lãnh đạo nhà trường tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, tổ chức học sinh về nguồn tham quan ngoài tỉnh [H8-1.3-04]. Kế hoạch hoạt động của Liên đội thực hiện theo hướng dẫn của Hội đồng đội huyện Long Điền và hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh (Ban hành kèm theo Quyết định số 50 - QĐ/HĐĐTƯ ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng Đội Trung ương khóa VIII), Liên đội phối hợp cùng Chi đoàn tổ chức các hoạt động bổ ích cho học sinh, thành lập đội sao đỏ, tổ chức thi đua trong học sinh giữa các lớp, hỗ trợ lãnh đạo nhà trường giữ gìn vệ sinh, nề nếp nhà trường [H8-1.3-05].

c) Hàng năm Công đoàn, Chi đoàn và Liên đội đều thực hiện báo cáo kết quả hoạt động trong năm, được Liên đoàn Lao động huyện, Đoàn cơ sở xã và Hội đồng đội kiểm tra hồ sơ hoạt động, từ đó có kết quả đánh giá hoạt động hàng năm, Công đoàn được công nhận Công đoàn vững mạnh [H6-1.3-02], Chi đoàn và Liên đội được đánh giá tốt [H8-1.3-04], [H8-1.3-05].

Mức 2:

a) Chi bộ Đảng nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam [H5-1.3-01];

Trong 5 năm liên kế chi bộ đều hoàn thành nhiệm vụ, liên tục từ năm 2016 đến nay đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt danh hiệu Chi bộ trong sạch vững mạnh [H5-1.3-01];

b) Tổ chức công đoàn luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, nhiều năm liên đạt danh hiệu Công đoàn cơ sở vững mạnh; [H6-1.3-02]

Tổ chức Đoàn – Đội luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ, tích cực tổ chức các hoạt động thu hút học sinh tham gia, đồng thời tham gia hoạt động các cấp và đạt được nhiều thành tích cao [H8-1.3-04]; [H8-1.3-05].

2. Điểm mạnh

Chi ủy, Chi bộ Đảng trong nhà trường thực hiện tốt vai trò lãnh đạo trong nhà trường, chi ủy, chi bộ hoạt động đúng theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và pháp luật. Chi bộ họp định kỳ đúng quy định, hàng tháng và cuối mỗi học kỳ chi bộ đều rà soát đánh giá hoạt động của chi bộ và nhà trường

Trong hoạt động, các tổ chức trong nhà trường có sự thống nhất cao, mọi hoạt động của các tổ chức đều đúng theo quy chế, quy định và kế hoạch đề ra của

của nhà trường, chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước

3. Điểm yếu

Số lượng quần chúng giới thiệu vào đảng ngày càng ít do ảnh hưởng lí lịch hoặc một số quần chúng giáo viên không muốn vào đảng, dẫn đến chỉ tiêu phát triển đảng viên gặp khó khăn;

Phần lớn giáo viên ở xa và con nhỏ nên việc tham gia các hoạt động công đoàn gặp nhiều khó khăn;

Chi đoàn giáo viên có số lượng đoàn viên không ổn định, hiệu quả hoạt động chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Chi bộ xây dựng chiến lược phát triển đảng viên, đồng thời phân công đảng viên vận động, giới thiệu quần chúng giáo viên phấn đấu, tự nguyện đứng vào hàng ngũ của đảng;

Chi bộ có kế hoạch chỉ đạo Chi đoàn, Liên đội sắp xếp thời gian hợp lý và từng bước đổi mới các hoạt động phong trào, tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên tham gia và thu hút đông đảo học sinh;

Các tổ chức đoàn thể xây dựng kế hoạch thực hiện hợp lý về thời gian, tạo mọi điều kiện thuận lợi để công đoàn viên tham các hoạt động được đầy đủ, chi đoàn tham mưu kịp thời cho Chi bộ về vấn đề số lượng giáo viên còn trong tuổi đoàn để từ đó chi bộ kịp thời chỉ đạo trong công tác hỗ trợ, Tham mưu Đoàn cơ sở địa phương hàng năm hướng dẫn chi Đoàn nghiệp vụ công tác, giao những công việc cụ thể, thiết thực để phát huy hoạt động.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2018 - 2019 trường trung học cơ sở Nguyễn Huệ có 28 lớp, là trường trung học cơ sở hạng I, Hiệu trưởng: thầy Phạm Hà Bảo Chí, được bổ nhiệm theo Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 19/3/2014 của UBND huyện Long Điền, phó hiệu trưởng 1: cô Phan Ngọc Ánh được bổ nhiệm lại theo Quyết định số 5261/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện Long Điền, phó hiệu trưởng 2: thầy Nguyễn Hữu Tuấn được bổ nhiệm theo Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 25/9/2015 của UBND huyện Long Điền. Số lượng phó hiệu trưởng đảm bảo theo quy định [H9-1.4-01].

b) Trường có 7 tổ chuyên môn, trong đó có 04 tổ ghép (Tổ Toán, Tổ Lý-Tin-Công nghệ, Tổ Nhạc - Họa - Thể dục, Tổ Sinh – Hóa, Tổ Ngữ văn, Tổ Tiếng Anh, Tổ Sử - Địa – Công dân), cơ cấu tổ chức của tổ chuyên môn được thực hiện theo quy định tại điều 16 Điều lệ trường trung học; cơ cấu tổ chức tổ văn phòng theo quy định tại điều 17 Điều lệ trường trung học; mỗi tổ đều có tổ trưởng, 6 tổ có tổ phó; [H10-1.4-02];

c) Các tổ chuyên môn có xây dựng kế hoạch hoạt động năm học và được Lãnh đạo nhà trường phê duyệt. Các tổ chuyên môn hàng tháng có xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể nhằm rà soát điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp; [H10-1.4-03];

Mức 2:

a) Mỗi tổ chuyên môn đều thực hiện 2 chuyên đề/ học kỳ, trong đó có một chuyên đề thể hiện tính mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục qua từng năm học, các tổ thực hiện tốt: tổ Sinh-Hóa, tổ Sử-Địa-CD, tổ Lý-Tin-Công nghệ [H10-1.4-06]

b) Các tổ chuyên môn họp tổ chuyên môn 2 lần /tháng và một số buổi họp đột xuất. Trong các cuộc họp các tổ có nêu ra những vấn đề chủ yếu về chuyên môn và được thảo luận, từ đó đi đến thống nhất trong cách làm. [H10-1.4-03];

Hàng tháng tổ văn phòng đều tổ chức họp, từ đó thống nhất nội dung để bổ sung vào kế hoạch hoạt động của tổ cho phù hợp [H10-1.4-04].

2. Điểm mạnh

Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học

Bộ máy tổ chức đáp ứng tốt yêu cầu hoạt động và phát triển của nhà trường.

3. Điểm yếu

Nội dung sinh hoạt ở một số tổ còn nặng về hành chính chưa tập trung sâu vào giải quyết các vấn đề chuyên môn như tổ Toán, tổ Thể dục-Âm nhạc-Mỹ thuật, chưa có nhiều giải pháp hay để nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học;

Ban lãnh đạo tham gia sinh hoạt chuyên môn chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019-2020 các tổ xây dựng kế hoạch cụ thể chi tiết, dự kiến nội dung thảo luận về vấn đề đổi mới phương pháp giảng dạy, lấy học sinh làm trung tâm, nâng cao năng lực tự học và phẩm chất cho học sinh. Nghiên cứu chương trình giáo dục phổ thông mới do Bộ GD&ĐT ban hành.

Các tổ xây dựng kế hoạch chuyên môn bám sát yêu cầu nâng cao chất lượng dạy và học.

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng thường xuyên tham gia dự sinh hoạt cùng các tổ, cải tiến sinh hoạt theo hướng đổi mới.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2018-2019 trường có 28 lớp học, đủ tiêu chuẩn đạt trường hạng I theo quy định; cụ thể: Khối 6: 6 lớp, Khối 7: 8 lớp, Khối 8: 7 lớp, Khối 9: 7 lớp [H11-1.5-01]

b) Tổng số học sinh của trường: 946, cụ thể: Khối 6: 234, Khối 7: 267, Khối 8: 231, Khối 9: 214 [H11-1.5-01];

Số học sinh trung bình/lớp: 34 học sinh, mỗi lớp có lớp trưởng và hai hoặc ba lớp phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học; [H12-1.5-02]; [H13-1.5-03]

c) Mỗi lớp đều có giáo viên chủ nhiệm, lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, tự chủ [H12-1.5-02];

Mức 2:

Trường có 28 lớp (không vượt quá 45 lớp theo quy định) [H11-1.5-01];

Số lượng học sinh/lớp: 34 học sinh, riêng khối 6: 40 học sinh/ lớp (theo quy định Điều 15 Điều lệ trường trung học không quá 45 học sinh/lớp) [H11-1.5-01]

2. Điểm mạnh

Trường có cơ cấu khối lớp và số học sinh mỗi lớp đúng theo quy định Điều 15 Điều lệ trường trung học, Điều lệ trường tiểu học và quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt;

Số học sinh trung bình/ lớp tương đối, đảm bảo cho chất lượng dạy và học.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh/lớp tăng hàng năm dẫn đến việc theo dõi chất lượng học tập của sinh có phần hạn chế;

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tham mưu cho Lãnh đạo địa phương về việc phân luồng tuyển sinh lớp 6 trên địa bàn, nhằm duy trì số lượng học sinh từng năm để đảm bảo không tăng lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường luôn có đầy đủ hồ sơ theo quy định của ngành để đáp ứng cho công tác giáo dục. Trong những năm qua nhà trường luôn có đầy đủ hệ thống hồ sơ sổ sách theo quy định tại Điều lệ trường trung học và được lưu trữ tại văn phòng trường, bao gồm: Sổ đăng bộ [H11-1.5-01]; Sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến [H14-1.6-01]; Sổ theo dõi phổ cập giáo dục [H14-1.6-01]; Sổ gọi tên và ghi điểm [H13-1.5-03]; Sổ ghi đầu bài [H12-1.5-02]; Học bạ học sinh; Sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ [H11-1.5-01]; Sổ nghị quyết của nhà trường; Nghị quyết của Hội đồng trường; Sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến được lưu tại hồ sơ của nhà trường [H14-1.6-01];.

Công tác lưu trữ hồ sơ tương đối đảm bảo, theo quy định của Luật Lưu trữ, được bố trí vào các tủ ở văn phòng nhà trường. Tuy nhiên, việc lưu trữ hồ sơ chưa thực sự khoa học [H14-1.6-01];

b) Hàng năm, nhà trường đều lập dự toán tài chính và được Phòng GD-ĐT, Phòng Tài chính - Kế hoạch phê duyệt; có đầy đủ chứng từ thu, chi, quyết toán tài chính hàng năm; có báo cáo tài chính, tài sản theo quy định của Nhà nước [H15-1.6-01];

Thực hiện công khai hàng năm theo Thông tư 09 và Thông tư 36, định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H15-1.6-01]

c) Tất cả các nguồn kinh phí huy động đều được công khai rõ ràng về nguồn thu và mục đích sử dụng trước tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh, có quy chế chi tiêu nội bộ rõ ràng [H15-1.6-04], thông qua và lấy ý kiến biểu quyết trong Hội nghị cán bộ công chức đầu năm [H7-1.3-03]; thực hiện công khai tài chính theo quy định để cán bộ, giáo viên, nhân viên biết và tham gia giám sát, kiểm tra bằng hình thức phổ biến trong Hội đồng sư phạm và niêm yết tại bảng thông tin nhà trường, thời gian theo từng quý [H1-1.1-04]. Định kỳ thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính. Cuối năm Ban thanh tra nhân dân thông báo công tác kiểm tra tài chính trước toàn thể nhà trường [H7-1.3-03].

Trên cơ sở lấy ý kiến của tập thể nhà trường trong buổi Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H7-1.3-03]; [H15-1.6-04]

Mức 2:

a) Trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản, nhà trường luôn chú trọng ứng dụng CNTT, việc ứng dụng CNTT vào quản lý hành chính, tài chính và tài sản đã mang lại hiệu quả tích cực [H15-1.6-02];

b) Hàng năm nhà trường đều thực hiện quyết toán ngân sách đúng theo quy

định, có thông báo kết quả quyết toán của UBND huyện; [H15-1.6-04];

2. Điểm mạnh

Nhà trường có nhân viên văn thư nên công tác lưu trữ hồ sơ được đảm bảo, công tác quản lý hành chính luôn kịp thời;

Có đầy đủ hồ sơ quản lý tài chính, tài sản. Quy chế chi tiêu được xây dựng rõ ràng, chế độ tự kiểm tra tài chính, tài sản được thực hiện hàng năm, việc công khai tài chính được đảm bảo;

3. Điểm yếu

Nhân viên văn thư chưa được đào tạo qua công tác văn thư, lưu trữ nên việc sắp xếp hồ sơ lưu trữ chưa khoa học;

Công tác tự kiểm tra tài chính và công khai tài chính có lúc còn chậm hơn so với tiến độ thời gian quy định;

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tạo điều kiện để nhân viên văn thư được tham gia các lớp tập huấn về văn thư lưu trữ để công tác lưu trữ được khoa học hơn;

Bám sát kế hoạch nhằm thực hiện việc kiểm tra và công khai tài chính đúng thời gian;

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể (Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên dành cho cán bộ quản lý và giáo viên), cán bộ giáo viên và nhân viên luôn được tạo điều kiện thuận lợi nhất để tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn; [H17-1.7-01]; [H17-1.7-03];

Trong 5 năm học từ 2014-2015 đến 2018-2019, tất cả giáo viên của nhà trường đều thực hiện công tác Bồi dưỡng thường xuyên, được Phòng GD&ĐT đánh giá xếp loại khá, giỏi đạt tỉ lệ 100% [H17-1.7-01]; [H18-1.7-07]

b) Trên cơ sở xác định năng lực trình độ chuyên môn của giáo viên và nhân viên, Lãnh đạo nhà trường phân công giảng dạy phù hợp với năng lực cho giáo viên, phân công công việc cụ thể với từng nhân viên nhằm đảm bảo tính hiệu quả của công việc được giao [H18-1.7-05]; [H18-1.7-06].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được phân công công việc phù hợp, được hưởng lương đầy đủ hàng tháng, được sắp xếp thời gian nghỉ để nghiên cứu, được trả tiền dạy tăng giờ đúng quy định, được phát biểu, góp ý, đề xuất trong các cuộc họp, đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 32 Điều lệ trường trung học và các văn bản hiện hành khác [H15-1.7-07];

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường, cán bộ quản lý tham gia đầy các lớp tập huấn nâng cao năng lực quản lý do Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT tổ chức, việc góp ý xây dựng của giáo viên luôn được ghi nhận tích cực và điều chỉnh khi hợp lý [H18-1.7-08];

2. Điểm mạnh

Giáo viên, nhân viên của nhà trường có tinh thần tự học cao, tự nâng cao trình độ chuyên môn cho bản thân thông qua các lớp tự nâng chuẩn (từ cao đẳng lên đại học), công tác tự bồi dưỡng của giáo viên được thực hiện thường xuyên, được giáo viên ghi chép lại vào vở ghi chép cá nhân;

Các lớp bồi dưỡng về chuyên môn được giáo viên tham gia đầy đủ;

Cán bộ quản lý nhà trường vững về chuyên môn, tiếp thu và thích nghi nhanh với những thay đổi ở từng điều kiện khác nhau, chịu lắng nghe ý kiến đóng góp của giáo viên về phân công chuyên môn, từ đó làm thay đổi chất lượng dạy học theo chiều hướng tích cực;

Các chế độ của giáo viên và nhân viên đều được giải quyết kịp thời, công khai minh bạch và thỏa đáng, không có giáo viên thắc mắc về vấn đề này;

3. Điểm yếu

Một số giáo viên ít đọc văn bản, ít nghiên cứu tài liệu nên việc tiếp cận các kiến thức, quy định mới chưa kịp thời;

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tự bồi dưỡng cho cán bộ quản lý và giáo viên sẽ cụ thể và chi tiết hơn, đi sâu vào phát triển năng lực của từng giáo viên, phát huy năng lực tự học của giáo viên, kích thích giáo viên tích cực đổi mới sáng tạo trong giảng dạy và không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn của người giáo viên;

Việc đánh giá, xếp loại giáo viên về công tác bồi dưỡng thường xuyên sẽ chính xác hơn thông qua hình thức tổ chức thi tập trung vào cuối mỗi năm học;

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý học sinh theo Điều lệ trường trung học, có kế hoạch phát triển giáo dục từng năm học và hồ sơ hoạt động giáo dục nhà trường đầy đủ [H18-1.7-04], các báo cáo sơ kết, tổng kết đều có đánh giá công tác quản lý của nhà trường và thống kê chất lượng 2 mặt [H18-1.7-08]. Thực hiện nghiêm túc kế hoạch về thời gian năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập từng môn học theo quy định, thể hiện rõ ở lịch báo giảng của giáo viên, sổ ghi đầu bài lớp, sổ gọi tên ghi điểm [H21-1.8-01]. Hàng tháng, nhà trường đều thực hiện rà soát, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý học sinh để kịp thời bổ sung điều chỉnh thông qua các cuộc họp tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên [H1-1.1-04].

b) Nhà trường thực hiện đầy đủ nội dung của kế hoạch giáo dục, hàng tháng nhà trường có xây dựng kế hoạch trọng tâm, kế hoạch này được phổ biến đến các tổ chuyên môn và văn phòng vào đầu mỗi tháng [H10-1.4-03]; [H10-1.4-04];

c) Hàng tháng nhà trường có rà soát và bổ sung những kế hoạch phát sinh hoặc điều chỉnh những kế hoạch có thay đổi cho hợp lý vào kế hoạch trọng tâm; Hàng tháng nhà trường đều họp giao ban toàn trường để đánh giá lại những hoạt động trong tháng, đồng thời tiếp thu những ý kiến của giáo viên để bổ sung vào kế hoạch hoạt động của tháng kế tiếp [H1-1.1-04];

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra của nhà trường được thực hiện thường xuyên, kịp thời, được Phòng GD&ĐT kiểm tra hàng năm vào đầu năm học hoặc kiểm tra đột xuất trong năm học. Các đợt kiểm tra đều được đánh giá tốt [H18-1.7-08]; [H18-1.8-03];

Nhà trường thực hiện đúng quy định về dạy thêm, học thêm: Có sổ theo dõi học thêm, dạy thêm và thời khóa biểu, có danh sách học sinh tham gia học thêm trong năm và danh sách cán bộ giáo viên tham gia dạy thêm. Hoạt động dạy thêm được phòng giáo dục cấp giấy phép hoạt động; hoạt động dạy thêm, học thêm của nhà trường thực hiện đúng theo thông tư 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 05 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định về dạy thêm, học thêm, quyết định 30 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định công tác dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu [H19-1.8-04];

2. Điểm mạnh

Kế hoạch hoạt động giáo dục hàng năm được nhà Trường GD&ĐT ban hành từ đầu năm học nên kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường được xây dựng và triển khai đến từng tổ, từng giáo viên kịp thời, nhanh chóng;

Được lãnh đạo Trường GD&ĐT quan tâm hỗ trợ kịp thời trong các hoạt động chuyên môn, từ đó giúp nhà trường có những giải pháp xây dựng hoạt động chuyên môn được hiệu quả;

Các hoạt động dạy thêm, học thêm được Ban đại diện cha mẹ học sinh đồng tình ủng hộ, được Lãnh đạo Trường GD&ĐT tạo điều kiện cấp giấy phép hàng năm;

3. Điểm yếu

Một số hoạt động giáo dục trong kế hoạch chưa thực hiện đúng tiến độ, các tổ chuyên môn hoạt động chưa đều nên ảnh hưởng chung đến tiến độ của toàn trường;

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Kế hoạch hoạt động giáo dục phải được xây dựng cụ thể, chi tiết hơn, có phân công nhiệm vụ và thời gian hoàn thành cho các tổ chuyên môn;

Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm từng giai đoạn của hoạt động từ đó đề ra giải pháp cụ thể nhằm hoàn thành mục tiêu giáo dục trong từng năm học;

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Các quy định, nội quy, quy chế này được các tổ thảo luận góp ý trong các buổi sinh hoạt tổ, được ghi thành biên bản, được thông qua trong buổi Hội nghị Công chức, viên chức hàng năm, được tập thể biểu quyết và trở hành Nghị quyết để thực hiện. (Theo quy định tại Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm theo Nghị định số 04/2005/NĐCP của Thủ tướng Chính phủ [H7-1.3-03]; [H10-1.4-04]

b) Các thắc mắc của phụ huynh và giáo viên được nhà trường giải thích đầy đủ, nhà trường chưa xảy ra tình trạng khiếu nại, tố cáo của giáo viên và phụ huynh [H20-1.9-01];

c) Hàng năm nhà trường có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ [H6-1.3-04]

Mức 2:

Quy chế dân chủ được tập thể góp ý, hoàn thiện, có biện pháp và cơ chế giám sát rõ ràng, đảm bảo công khai, minh bạch [H1-1.1-05]; [H20-1.9-02]; [H20-1.9-03].

2. Điểm mạnh

Quy chế dân chủ được nhà trường thực hiện đầy đủ, được tập thể đồng tình ủng hộ;

Trường luôn thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo quy định; đảm bảo Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường

Quy chế được công khai rộng rãi, được niêm yết tại trường và đăng trên trang Web của trường;

3. Điểm yếu

Việc góp ý của tập thể để hoàn thiện quy chế còn ít, phần nhiều phụ thuộc vào Hiệu trưởng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng có giải pháp hoặc gợi ý cho giáo viên góp ý xây dựng quy chế, từ đó phát huy tính dân chủ trong nhà trường, đồng thời công việc của Hiệu trưởng được nhẹ nhàng hơn;

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội

và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội của nhà trường bằng tuyên truyền bằng biểu; ký cam kết; và tổ chức các hoạt động ngoại khóa; căn tin nhà trường có giấy chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm [H20-1.10-01]; [H21-1.10-02].

b) Đường dây nóng của nhà trường được thiết lập bằng hình thức niêm yết và công bố rộng rãi số điện thoại di động của Hiệu trưởng cho phụ huynh và học sinh biết. Nhà trường luôn đảm bảo an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường, thực hiện rà soát các hạng mục công trình, khuôn viên đảm bảo các hoạt động của giáo viên và học sinh diễn ra an toàn [H20-1.10-01];

c) Đơn vị chưa có tình trạng kỳ thị, vi phạm về giới và bạo lực trong nhà trường, được huyện công nhận là trường học an toàn [H21-1.10-02].

Mức 2:

a) Phối hợp với công an tuyên truyền ý thức chấp hành an toàn giao thông, pháp luật cho giáo viên, nhân viên và học sinh; phối hợp với phòng Lao động thương binh và xã hội huyện tổ chức tập huấn cho giáo viên về phòng chống đuối nước, tai nạn thương tích cho học sinh và giáo viên [H21-1.10-04];

b) Nhà trường xây dựng quy chế phối hợp với Công an xã Phước Hưng nhằm thu thập các thông tin vi phạm của học sinh. Thông qua đường dây nóng được thiết lập, nhà trường đã kịp thời ngăn chặn và xử lý kịp thời những biểu hiện

có liên qua đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có giải pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H20-1.10-01];

2. Điểm mạnh

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nhà trường tốt; đảm bảo an toàn cho giáo viên, nhân viên và học sinh, không có các tệ nạn xã hội xảy ra.

Phối hợp tốt với các ban ngành đoàn thể địa phương và công an các cấp trong công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật cũng như việc đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường. Trong suốt nhiều năm qua nhà trường không xảy ra hiện tượng cháy nổ, vi phạm về giới.

3. Điểm yếu

Trường nằm trên tuyến đường giao thông đông đúc nên việc đi lại của giáo viên và học sinh gặp nhiều khó khăn, đe dọa an toàn khi tham gia giao thông;

Vẫn còn tình trạng học sinh gây gổ, xích mích, mâu thuẫn lẫn nhau;

Do thiếu sân bãi và nhà thi đấu thể dục vì vậy gây ảnh hưởng đến an toàn của học sinh trong giờ học thể dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tham mưu với chính quyền địa phương, phòng GD&ĐT điều chỉnh giao thông hợp lý nhằm đảm bảo an toàn cho học sinh và giáo viên;

Ban chấp hành chi đoàn tăng cường công tác hỗ trợ nhà trường trong vấn đề quản lý nề nếp học sinh, từ đó kịp thời phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi bạo lực của học sinh;

Hiệu trưởng tham mưu, đề xuất với Phòng GD&ĐT và lãnh đạo địa phương xây dựng nhà luyện tập thể dục thể thao cho học sinh, giúp học sinh đảm bảo sức khỏe trong các giờ học thể dục;

Tiếp tục làm tốt công tác giáo dục pháp luật trong nhà trường, tổ chức các chuyên đề, ngoại khóa giáo dục giới tính cho học sinh, giáo dục đạo đức cho học sinh không để xảy ra các hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Nhà trường có cơ cấu tổ chức phù hợp với quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở và các quy định khác do Bộ GD&ĐT ban hành.

Công tác quản lý của nhà trường thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ trường trung học, có kế hoạch cụ thể, đảm bảo nguyên tắc, thể hiện tính dân chủ, công khai, tính toàn diện, đúng luật giáo dục phù hợp với các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Ban lãnh đạo nhà trường có các biện pháp tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch dạy học và các hoạt động giáo dục khác theo quy định tại chương trình giáo dục trung học cấp trung học cơ sở do Bộ GD&ĐT ban hành.

Trường có chiến lược phát triển giáo dục từ 2015 đến 2020 được xác định rõ từng giai đoạn phát triển phù hợp mục tiêu giáo dục của cấp học và thực trạng kinh tế xã hội địa phương.

Trong quá trình hoạt động cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường chấp hành và thực hiện tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và quy định của ngành giáo dục, đảm bảo tốt an ninh chính trị, đoàn kết; không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực trong nhà trường.

Bên cạnh những ưu điểm đó nhà trường cũng không tránh khỏi những thiếu sót cần khắc phục như: Mọi hoạt động có tổ chức nhưng hồ sơ minh chứng chưa đầy đủ, chưa thể hiện rõ việc thực hiện; một vài chỉ số tuy được đánh giá đạt yêu cầu song cũng còn những bất cập vì tính ổn định chưa cao.

Số tiêu chí đạt Mức 2: 10

Số tiêu chí không đạt: 0

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 1: Đạt Mức 2

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh:

Mở đầu:

Nhà trường có Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng đạt chuẩn và trên chuẩn đào tạo theo quy định của Điều lệ trường trung học; có nhiều năm công tác, có kinh nghiệm và năng lực quản lý tốt; tích cực, nhiệt tình, có trách nhiệm cao; năng động, sáng tạo trong quá trình triển khai các hoạt động giáo dục.

Về chất lượng đội ngũ: có đủ giáo viên ở tất cả các môn học, 100% giáo viên đạt chuẩn trong đó có 84,3% giáo viên trên chuẩn đào tạo theo quy định của Điều lệ trường trung học. Giáo viên tích cực, nhiệt tình, có ý thức học hỏi, rèn luyện và phấn đấu trong chuyên môn, hằng năm có nhiều giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh.

Nhà trường có 1 nhân viên kế toán, 1 nhân viên văn thư, 1 nhân viên thư viện, 2 nhân viên thiết bị, 1 nhân viên phục vụ và 2 nhân viên bảo vệ, tất cả đạt chuẩn về trình độ đào tạo, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Học sinh của trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường trung học và của pháp luật; đảm bảo quy định về độ tuổi học sinh; thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học sinh và quy định về các hành vi học sinh không được làm; được đảm bảo các quyền theo quy định

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đều đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn, Hiệu trưởng thầy Phạm Hà Bảo Chí có trình độ Đại học sư phạm Vật lý, có số năm công tác là 17 năm, trong đó có 10 năm dạy học và 7 năm làm công tác quản lý; Phó Hiệu trưởng 1 cô Phan Ngọc Ánh có trình độ Đại học sư phạm Địa lý, số năm công tác là 14 năm, trong đó có 8 năm dạy học và 6 năm làm công tác quản lý, Phó Hiệu trưởng 2 Nguyễn Hữu Tuấn có trình độ Đại học sư phạm Tin học, số năm công tác là 14 năm, trong đó có 10 năm dạy học và 4 năm làm công tác quản lý theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học [H9-2.1-01].

b) Việc đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đánh giá vào cuối mỗi năm học. Năm học 2014-2015 đến năm học 2017-2018 thực hiện đánh giá và xếp loại chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng theo thông tư 29, kết quả Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng xếp loại xuất sắc, năm học 2018-2019 Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng được đánh giá và xếp loại theo tư 14, kết quả xếp loại Tốt [H9-2.1-02];

c) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng về quản lý giáo dục. Hiệu trưởng và 2 Phó Hiệu trưởng đã có chứng chỉ Quản lý giáo dục. Hàng năm Hiệu trưởng và 2 phó hiệu trưởng tham gia lớp Bồi dưỡng thường xuyên do Sở giáo dục tổ chức [H9-2.1-03];

Mức 2:

a) Trong 03 năm liên, năm học 2015-2016, 2016-2017 và 2017-2018, Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đều được đánh giá và xếp loại Xuất sắc theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường trung học, năm học 2018-2019 Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đều được đánh giá và xếp loại Tốt theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường trung học (theo thông tư 14/2018/BGDĐT) [H9-2.1-02];

b) Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đều được bồi dưỡng về lý luận chính trị theo quy định, Hiệu trưởng và 1 phó hiệu trưởng (thầy Nguyễn Hữu Tuấn) đã có

bằng trung cấp lý luận chính trị, 01 phó hiệu trưởng (cô Phan Ngọc Ánh) đang học lớp trung cấp lý luận chính trị [H9-2.1-04];

Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng được giáo viên và nhân dân tín nhiệm và đánh giá cao thông qua biên bản đánh giá chuẩn Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng hàng năm [H9-2.1-02];

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có phẩm chất chính trị tốt, có trình độ chuyên môn, năng lực quản lý vững vàng, được tập thể Hội đồng sư phạm tín nhiệm. Hàng năm đều được lãnh đạo Phòng GDĐT đánh giá xếp loại xuất sắc theo chuẩn Hiệu trưởng;

3. Điểm yếu

Kinh nghiệm trong quản lý nhà trường của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng chưa nhiều;

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Lãnh đạo nhà trường phát huy cao độ hơn vai trò gương mẫu, tinh thần trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, quản lý nhà trường;

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 51 giáo viên đứng lớp ở các bộ môn; cụ thể:

Môn học	Toán	Ngữ văn	Vật lý	Hóa	Sinh	Sử	GD CD	Địa	Tiêng Anh	Tin học	Sinh	Công nghệ	Thể dục	Âm nhạc	Mỹ Thuật
Số lượng	9	7	3	2	4	3	2	3	4	4	4	2	3	2	1

Số lượng giáo viên đủ về số lượng theo biên chế tạm giao (đủ so với quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/07/2017 của BGDĐT về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, tỉ lệ giáo viên/lớp là 1,9) [H18-1.7-05];

b) Đội ngũ 100% giáo viên đạt trình độ đào tạo chuẩn, trong đó có 84,3% đạt trên chuẩn [H18-2.2-01];

Môn học	Số lượng	Trên chuẩn	Đạt chuẩn	
Toán	9	9		
Văn	7	6	1	
Lý	3	3		
Hóa	2	2		
Sinh	4	4		
Sử	3	2	1	
Địa	3	3		

Tiếng Anh	6	5	2	
Tin học	4	2	2	
Công nghệ	2	1	1	
Âm nhạc	2	2		
Mỹ thuật	1	1		
Thể dục	3	3		
GDCD	2	1	1	
Tổng cộng	51	43	8	

c) Cuối năm học nhà trường đều tổ chức cho giáo viên tự đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo thông tư 30 và Thông tư 20 của Bộ GDĐT. Kết quả đánh giá chung cuối năm học của Hiệu trưởng: 100% giáo viên xếp loại khá trở lên, trong đó trên 78% xếp loại xuất sắc theo Quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, trong năm học 2018-2019 nhà trường tổ chức cho giáo viên tự đánh giá chuẩn giáo viên theo Thông tư 20/2018/BGDĐT [H17-2.2-02];

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo của trường được duy trì ổn định và tăng dần theo năm học, cụ thể:

Năm học 2015-2016: Số giáo viên trên chuẩn là 36/51 đạt tỷ lệ 70,6%

Năm học 2016-2017: Số giáo viên trên chuẩn là 40/51 đạt tỷ lệ 78,4%

Năm học 2017-2018: Số giáo viên trên chuẩn là 43/51 đạt tỷ lệ 84,3%

Năm học 2018-2019: Số giáo viên trên chuẩn là 43/51 đạt tỷ lệ 84,3%

[H18-2.2-01]

b) Trong 05 năm học gần nhất, có 100% giáo viên đều được đánh giá đạt từ Khá trở lên theo đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên, cụ thể [H17-2.2-02]

Năm học	Tổng số GV	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Không đạt
2014-2015	51	39	12	/	/
2015-2016	51	43	8	/	/
2016-2017	51	44	7	/	/
2017-2018	50	39	11	/	/

c) Học sinh nhà trường được tham gia các hoạt động trải nghiệm như: tham quan trường cao đẳng nghề tại huyện Đất Đỏ, tham gia làm vệ sinh tại Đền liệt sĩ của địa phương, thăm và tặng quà bà mẹ Việt Nam anh hùng, tham gia các hoạt động cộng đồng khác. Giáo viên nhà trường có khả năng tổ chức và tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh, các hoạt động này được thể hiện thông qua các hoạt động ngoại khóa, các tiết học HĐNGLL, được lồng vào trong một số tiết dạy của giáo viên; giáo viên có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học, trong nhiều năm liền từ năm học 2015-2016, trường đều có giáo viên trực tiếp hướng dẫn học sinh tham gia Hội thi sáng tạo Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh và cấp huyện, tại Hội thi này trường đều đạt được giải cao (năm học 2016-2017: giải nhất cấp tỉnh, năm học 2017-2018: giải Ba cấp tỉnh, năm học 2018-2019: giải Tư cấp tỉnh); trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường không có giáo viên bị kỷ luật [H22-2.2-03];

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, cơ cấu đồng bộ, tỷ lệ đạt trên chuẩn cao (84,3%). Tập thể giáo viên đoàn kết, nhiệt tình, có trình độ chuyên môn vững vàng, yêu nghề và có trách nhiệm cao trong công việc;

100% giáo viên đạt loại Khá trở lên theo Quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở;

100% giáo viên được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường trung học và của pháp luật;

3. Điểm yếu

Số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên hàng năm chưa được đánh giá thực chất và cụ thể nên tỷ lệ đạt Xuất sắc và Tốt khá cao;

Tinh thần tự giác tham gia các Hoạt động trải nghiệm sáng tạo của giáo viên còn hạn chế;

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019-2020 Lãnh đạo nhà trường động viên và tạo điều kiện để giáo viên tham gia các lớp học nâng chuẩn;

Cần xác định rõ năng lực của giáo viên để việc đánh giá chuẩn giáo viên hàng năm phải đi vào thực chất, cụ thể ban hành bộ tiêu chí đánh giá cụ thể với những hoạt động của nhà trường để tránh đánh giá chung chung hoặc quy đồng;

Tổ chức công đoàn, chi đoàn, liên đội xây dựng kế hoạch trải nghiệm dành cho giáo viên và học sinh ngay từ đầu năm học. Phát huy tính tích cực, sáng tạo của giáo viên trong việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo và nghiên cứu khoa học, chế độ khen thưởng cho những giáo viên đi đầu hoặc có những mô hình hay trong công tác này được đưa vào quy chế chi tiêu nội bộ;

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trường có 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên văn thư, 02 nhân viên thiết bị, 01 nhân viên thư viện và 3 nhân viên hợp đồng theo Nghị định 68 (1 NV phục vụ và 2 NV bảo vệ), số lượng nhân viên đảm bảo đủ theo biên chế được giao [H18-2.3-01];
- b) Nhân viên kế toán, thiết bị có trình độ đại học, nhân viên thư viện có trình độ cao đẳng, nhân viên văn thư có trình độ đại học trên cơ sở năng lực chuyên môn, nhà trường phân công công việc nhân viên hợp lý, phù hợp với trình độ chuyên môn [H18-2.3-01];
- c) Hàng năm, tất cả nhân viên đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ [H17-1.7-03];

Mức 2:

- a) Trường có tất cả 5 nhân viên và 3 hợp đồng theo Nghị định 68 (1 nhân viên kế toán, 1 nhân viên văn thư, 1 nhân viên thư viện, 2 nhân viên thiết bị, 1 nhân viên phục vụ và 2 nhân viên bảo vệ) đảm bảo cơ cấu theo biên chế giao [H18-2.3-01]
- b) Từ năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 tất cả nhân viên đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ. Không có nhân viên bị xử lý kỷ luật [H17-1.7-03]

2. Điểm mạnh

Nhân viên kế toán, văn thư, thư viện, thiết bị có trình độ trung cấp trở lên theo đúng chuyên môn; các nhân viên khác được bồi dưỡng về nghiệp vụ theo vị trí công việc.

Nhân viên thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và được đảm bảo các chế độ, chính sách theo quy định;

3. Điểm yếu

Không có nhân viên làm y tế chuyên trách nên chưa chủ động trong công việc chăm sóc sức khỏe học sinh;

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho nhân viên văn thư.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Học sinh trường đã đáp ứng được yêu cầu đảm bảo quy định về độ tuổi học sinh theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 37 của Điều lệ trung học [H11-1.5-01];

b) Đầu năm học, trường đã tổ chức cho học sinh học tập nội quy, quy định về nhiệm vụ, hành vi học sinh, ngôn ngữ ứng xử, trang phục theo quy định [H13-1.5-03]. Có đánh giá, tổng hợp xếp loại hạnh kiểm của học sinh các lớp hằng năm. Các báo cáo của nhà trường hằng năm có nội dung đánh giá việc học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học sinh và thực hiện quy định về hành vi học sinh không được làm [H18-1.7-07]. Phần lớn học sinh của trường đã thực hiện tốt nhiệm vụ của người học sinh, thực hiện tốt hành vi, ngôn ngữ, ứng xử theo quy định, trang phục phù hợp lứa tuổi. Tuy nhiên, hằng năm vẫn có một số ít học sinh vi phạm nội quy và đã được giáo viên, cha mẹ học sinh nhắc nhở [H21-1.10-03].

c) Học sinh của trường được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, các điều kiện phục vụ học tập: được sử dụng các cơ sở vật chất của trường, được chăm sóc sức khỏe, thường xuyên cập nhật thông tin học tập thông qua hệ thống thời khóa biểu, internet [H4-2.4-02]. Được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu; rèn luyện thể chất, tham gia các hoạt động giao lưu văn hóa, thể dục thể thao và được đánh giá xếp loại theo quy định, được cấp học bổng hoặc

trợ cấp khác theo quy định, được tôn trọng, đối xử bình đẳng, dân chủ [H23-2.4-01]; [H23-2.4-02].

Mức 2:

Những dấu hiệu vi phạm và các hành vi không được làm của học sinh được phát hiện kịp thời, nhà trường phối kết hợp với cha, mẹ học sinh áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực, cuối mỗi năm học không có học sinh xếp hạnh kiểm yếu hoặc không xếp loại vì hạnh kiểm [H18-1.7-07].

2. Điểm mạnh

Đảm bảo các quy định về độ tuổi học sinh;

Đa số học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học sinh và quy định về các hành vi học sinh không được làm;

Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu

Một số học sinh chưa thực hiện tốt nhiệm vụ học tập nên kết quả học tập chưa cao;

Vẫn còn số ít học sinh chưa chấp hành tốt nội quy nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng các giải pháp cụ thể thiết thực với tình hình thực tiễn của địa phương từ đó phát huy truyền thống hiếu học của con em địa phương;

Công tác phối hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội phải được cụ thể hơn trong năm học 2019-2020;

Nhà trường tổ chức hiệu quả các hoạt động ngoại khóa nhằm thu hút học sinh vào các hoạt động bổ ích.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Trong những năm học qua, dù còn nhiều khó khăn, Hội đồng sư phạm trường vẫn cố gắng nỗ lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ, đoàn kết, thẳng thắn trong đấu tranh xây dựng để trường ngày càng vững chắc đi lên.

Lãnh đạo có năng lực quản lý, đạt chuẩn về trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định, có trách nhiệm biết tận dụng trí tuệ tập thể xây dựng tốt phong trào thi đua trong nhà trường.

Số lượng học sinh của trường tăng theo từng năm, giáo viên ít biến động, đảm bảo đủ để giảng dạy các môn bắt buộc, làm công tác chủ nhiệm, hoạt động ngoài giờ lên lớp, giáo viên hầu hết đạt chuẩn và trên chuẩn về chuyên môn đào tạo. Biên chế giáo viên của trường phù hợp với quy mô học sinh, lớp và đặc điểm tình hình giáo dục của địa phương.

Trường đảm bảo các quyền của giáo viên theo quy định của Điều lệ trường trung học và của pháp luật.

Đa số học sinh ngoan, chăm học, có đội ngũ học sinh giỏi cấp huyện, tỉnh tuy nhiên số lượng và chất lượng chưa đảm bảo.

Bên cạnh những ưu điểm đó nhà trường cũng không tránh khỏi những khó khăn cần khắc phục như: Không có nhân viên làm y tế nên chưa chủ động trong công việc, một số ít học sinh còn ham chơi chưa thực sự có ý thức thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện trong nhà trường. Một vài chỉ số tuy được đánh giá đạt yêu cầu song cũng còn những bất cập vì tính ổn định chưa cao;

Một số cha, mẹ học sinh không quan tâm, đầu tư cho việc học hành của con em.

Số tiêu chí đạt Mức 2: 04

Số tiêu chí không đạt: 0

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 2: Đạt Mức 2

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học:

Mở đầu:

Trường được quy hoạch hợp lý, có khuôn viên riêng biệt, tường rào, cổng trường, biển trường, đủ các công trình khác và xây dựng được môi trường xanh, sạch, đẹp; có kế hoạch sửa chữa bổ sung nâng cấp kịp thời, đảm bảo phục vụ cho các hoạt động của trường.

Phòng học được xây dựng theo tiêu chuẩn quy định, đủ để học sinh học hai ca trong một ngày; bên trong đủ bàn ghế giáo viên, học sinh phù hợp với tầm vóc, có bảng viết và đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m^2 /học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m^2 /học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có khuôn viên rộng rãi với diện tích 19197m², bình quân 25m²/ học sinh, có cây xanh bóng mát, sân trường sạch, đẹp, thoáng mát, tận dụng không gian sân trường bố trí bàn ghế đá làm khu đọc sách, chơi cờ, ăn uống khi được nghỉ giải lao, ăn sáng cho học sinh gần khu hiệu bộ, đảm bảo an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp [H24-3.1-01]; [H24-3.1-02]

b) Nhà trường có cổng trường, biển tên trường THCS Nguyễn Huệ, địa chỉ ấp Lò Vôi Xã Phước Hưng, huyện Long Điền nền xanh, chữ vàng, tường rào bao quanh được xây dựng kiên cố [H24-3.1-03];

c) Có khu vực sân chơi, bãi tập theo quy định, với diện tích trên 3000m². Khu sân chơi có hoa, cây bóng mát, ghế đá và sân cầu lông, sân bóng rổ, sân đá cầu đảm bảo tiêu chuẩn. Bãi tập có sân xi măng, hố cát theo quy định. Khu hiệu bộ, hội trường, các phòng chức năng, thư viện, phòng thực hành, phòng học đúng theo sơ đồ thiết kế. Tuy nhiên, vào mùa mưa, sân thường bị ngập nước kéo dài. Mặt sân vẫn còn nền móng cũ nên chưa thật sự bằng phẳng [H24-3.1-03];

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục, học sinh luyện tập vui chơi thoải mái [H24-3.1-03];.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có diện tích, khuôn viên, cổng trường, biển trường, tường, hàng rào bảo vệ, sân chơi, bãi tập rộng rãi đảm bảo theo quy định của Điều lệ; có cây xanh thoáng mát luôn được giữ gìn vệ sinh đảm bảo môi trường “Xanh - Sạch - Đẹp”. Được sửa chữa kịp thời khi cổng trường, biển tên có dấu hiệu hư hỏng.

3. Điểm yếu

Hệ thống sân bãi thể dục chưa được hoàn thiện, vẫn còn nền móng sát mặt đất, khi trời mưa bị ngập úng, không đảm bảo điều kiện an toàn để thực hiện giảng dạy và vui chơi cho học sinh.

Nhà trường chưa có nhà luyện tập thể dục, thể thao đa năng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với Phòng GD&ĐT, HĐND, UBND các cấp để thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục nhằm bổ sung dụng cụ thiết bị, tu bổ sân chơi bãi tập cho nhà trường. Có kế hoạch trồng thêm, chăm sóc, bảo vệ tốt hơn cây bóng mát ở sân thể dục. Dự kiến nguồn kinh phí khoảng 150.000.000 đồng; thực hiện trong năm học: 2019 - 2020.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Các phòng học được trang bị bàn ghế 2 chỗ ngồi chất liệu bằng gỗ, gỗ ép có chất lượng tương đối, màu sắc thẩm mỹ phù hợp với độ tuổi học sinh trung học cơ sở, đủ cho 970 HS ngồi học, mỗi phòng học đều có 1 bộ bàn ghế giáo viên, 1 bảng xanh chống lóa, các thiết bị chiếu sáng, quạt mát đúng quy cách ở lớp học, đảm bảo theo yêu cầu của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT về tiêu chuẩn bàn ghế học sinh.[H24-3.2-01].

b) Trường có đủ các phòng học bộ môn thí nghiệm thực hành: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học đạt theo tiêu chuẩn quy định về phòng học bộ môn ban hành theo Quyết định số 37/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo. Tất cả các phòng bộ môn đều có các bảng nội quy phù hợp chức năng riêng của từng phòng. Nhằm đảm bảo chất lượng học tập của học sinh trường đã trưng dụng phòng học sinh, phòng học âm nhạc, phòng nghe nhìn và phòng thư viện làm phòng học cho học sinh [H24-3.2-01]; [H15-1.6-02];

c) Trường có 1 phòng Đoàn-Đội, 1 phòng truyền thống lưu giữ hình ảnh hoạt động của nhà trường, giấy khen, cờ lưu niệm, trường tận dụng một phần không gian của hội trường làm kho lưu trữ sách và không gian còn lại của hội trường làm nơi đọc cho học sinh [H24-3.2-01]. Nhà trường tổ chức thư viện xanh, tạo không gian đọc sách gần gũi với thiên nhiên cho học sinh và giáo viên.

Mức 2:

a) Nhà trường có 24 phòng học và 6 phòng bộ môn. Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo Quyết định số 37/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo; có hệ thống chiếu sáng và quạt mát, riêng phòng bộ môn Hóa-Sinh, Vật lý có hệ thống chậu rửa, vòi nước và đường thoát nước, trường không có học sinh khuyết tật học hòa nhập [H24-3.2-01];

b) Khôi phục vụ học tập nhà trường có đủ các phòng: 1 phòng Đoàn-Đội, 1 phòng truyền thống, 1 thư viện xanh, phòng chuẩn bị đồ thực hành. Các phòng đều được trang bị hệ thống đèn chiếu sáng, quạt mát, cửa sổ thông thoáng. [H24-3.2-01]; [H24-3.2-02]

2. Điểm mạnh

Lãnh đạo nhà trường đã linh động sắp xếp đủ phòng học, bàn ghế học sinh đảm bảo quy định, số lượng, quy cách, chất lượng và thiết bị của phòng học, bảng trong lớp học đảm bảo quy định, phòng học đảm bảo đủ các trang thiết bị phục vụ hoạt động học tập và giảng dạy.

3. Điểm yếu

Số phòng học chưa đảm bảo cho học sinh nên nhà trường đã trưng dụng một số phòng bộ môn làm phòng học dẫn đến việc thiếu một số phòng học bộ môn như: sinh học, âm nhạc;

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế một số bàn ghế học sinh đảm bảo cho hoạt động dạy học.

Lãnh đạo nhà trường chỉ đạo phụ trách thiết bị tăng cường công tác kiểm tra và tham mưu bảo trì định kỳ cơ sở vật chất trong nhà trường nhằm đảm bảo phục vụ tốt cho các hoạt động học tập, giảng dạy

Tham mưu với địa phương xây dựng thêm hệ thống phòng bộ môn hoặc phòng học theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.3: Khôi hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khôi hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khôi hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khôi hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Khối hành chính - quản trị của trường gồm: Phòng làm việc của hiệu trưởng: 01, phó hiệu trưởng: 02, phòng văn thư: 01, phòng Hội đồng: 01, phòng y tế: 01, phòng bảo vệ: 01, phòng nghỉ GIÁO VIÊN: 02, Hội trường: 01. Tuy nhiên, nhà trường chưa có nhà luyện tập thể dục, thể thao đa năng để tổ chức các hoạt động bên ngoài [H24-3.3-01].

b) Trường có nhà 01 nhà để xe cho GIÁO VIÊN và 01 nhà để xe cho học sinh, khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn trật tự [H24-3.3-03];

c) Nhà trường có lập tờ trình xin sửa chữa và bổ sung các thiết bị khối hành chính – quản trị, cụ thể trong năm học 2017-2018 trường đã được UBND huyện phê duyệt sửa chữa và sơn mới lại toàn bộ trường [H24-3.3-04];

Mức 2:

Khối hành chính – quản trị (phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn thư, kế toán, y tế, bảo vệ, hội đồng giáo viên, phòng truyền thống, phòng nghỉ giáo viên, phòng tư vấn học đường, phòng thiết bị) theo quy định [H24-3.3-01];

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ khối phòng hành chính quản trị; trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lý, dạy và học đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường trung học, có phòng truyền thống lưu trữ một số hình ảnh, thành tích của nhà trường;;

Nhà để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đảm bảo đủ chỗ cho cán bộ giáo viên và học sinh

3. Điểm yếu

Trường nằm ở vùng thấp trũng, hệ thống thoát nước gặp trở ngại về mùa mưa;

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm 2019, kiến nghị UBND huyện đầu tư kinh phí để nâng nền sân, cải tạo lại hệ thống thoát nước của nhà trường

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường [H24-3.4-03]

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có hai công trình vệ sinh độc lập: Một công trình dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên gồm có 2 phòng nam, 2 phòng nữ; một công trình vệ sinh dành cho học sinh gồm có 6 phòng nam và 6 phòng nữ. Các phòng vệ sinh thường xuyên sạch sẽ và đảm bảo cấp đủ nước, an toàn thuận tiện cho giáo viên và học sinh [H24-3.4-01];

b) Hệ thống thoát nước đã được bố trí ngầm xung quanh trường, chống ngập úng cho khuôn viên. Tuy nhiên, vào mùa mưa khuôn viên trường vẫn còn bị ứ đọng nước. Có hệ thống nước máy phục vụ cho các hoạt động của nhà trường, nước uống tinh khiết cho học sinh đầy đủ, an toàn [H24-3.4-02].

c) Nhà trường giao nhiệm vụ cho học sinh trực nhật, vệ sinh khuôn viên hằng ngày, thuê nhân công xử lý rác và vệ sinh khu vực nhà vệ sinh. Trường ký hợp đồng với đội thu gom rác của địa phương để xử lý rác hằng ngày [H24-3.4-03].

Mức 2:

a) Khu vực vệ sinh của giáo viên và học sinh được xây dựng hợp lý, đảm bảo thuận tiện, phù hợp với cảnh quan chung của trường [H24-3.4-01].

b) Trường có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước được xây dựng theo tiêu chuẩn [H24-3.4-02]. Việc thu gom rác thải được thực hiện thường xuyên [H24-3.4-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có công trình vệ sinh riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, riêng cho nam và nữ, vị trí phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện, sạch sẽ.

Có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, cung cấp nước uống cho học sinh đạt tiêu chuẩn, hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo yêu cầu.

3. Điểm yếu

Việc thu gom rác thải của công ty ký hợp đồng đôi lúc chưa thường xuyên dẫn đến việc rác tồn đọng nhiều;

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục chỉ đạo giáo viên, nhân viên, học sinh làm tốt công tác lao động vệ sinh khuôn viên.

Kiến nghị UBND xã nhắc nhở đơn vị thu gom rác thực hiện thường xuyên nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đầy đủ các thiết bị phục vụ công việc văn phòng, cụ thể: có 6 máy vi tính, 3 máy in, 2 máy photo copy (1 máy thuê mượn), các thiết bị phục vụ khác được đáp ứng kịp thời và đầy đủ [H15-1.6-02]; [H16-3.5-01]

b) Trường có trang thiết bị dạy học khá đầy đủ theo quy định của Bộ GD&ĐT. Trường có 02 máy projector, thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học. Đa số giáo viên đều biết sử dụng và khai thác có hiệu quả. Nhà trường vừa được cấp thêm 32 máy tính mới phục vụ nhu cầu học tập của học sinh [H15-1.6-02]; [H16-3.5-01]

c) Hằng năm, đến cuối năm học nhà trường đều có thành lập ban kiểm kê các thiết bị đồ dùng hư hỏng, sau đó tiến hành làm biên bản thanh lý những đồ dùng bị hỏng và lập kế hoạch, thực hiện mua sắm bổ sung đồ dùng và thiết bị dạy học vào đầu năm học mới [H16-3.5-02];

Mức 2:

a) Tất cả máy tính của trường đều được kết nối Internet để phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học. Hiện trường có 3 đường truyền Internet (2VNPT, 1 Viettel). [H15-3.5-04]; [H15-3.5-05]

b) Trang thiết bị phục vụ giảng dạy được bố trí đầy đủ theo quy định. Riêng đồ dùng của môn Lý, Hóa, Sinh được sắp xếp tại phòng thực hành nhằm thuận lợi trong quá trình mượn dạy học của giáo viên; [H16-1.6-05];

c) Hàng năm, trên nhu cầu trang thiết bị phục vụ giảng dạy của các tổ chuyên môn, nhân viên thiết bị tổng hợp và đề xuất hiệu trưởng mua sắm, mọi trang thiết bị đều được đáp ứng kịp thời cho hoạt động giảng dạy. Trang thiết bị dạy học tự làm của giáo viên vẫn chưa có[H16-3.5-06];

2. Điểm mạnh

Trường có thiết bị đồ dùng dạy học khá đầy đủ; đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh; tích cực bổ sung kịp thời, sửa chữa và mua sắm các trang thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT. Có đầy đủ sổ sách theo dõi việc sử dụng thiết bị giáo dục và đồ dùng dạy học.

Thanh lý máy tính bị hư, trình Phòng GDĐT và UBND và được cấp 32 máy tính mới kịp thời trong năm 2019;

Giáo viên tích cực sử dụng thiết bị dạy học một cách nghiêm túc và có hiệu quả, phát huy tốt chức năng các phòng học thực hành, bộ môn.

Công tác kiểm tra, sửa chữa các thiết bị được duy trì thường xuyên.

3. Điểm yếu

Do đặc điểm trường gần biển nên máy móc dễ hư hỏng ảnh hưởng đến sự hoạt động của máy móc;

Giáo viên tự làm đồ dùng dạy học còn hạn chế

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Làm tốt công tác bảo quản, sử dụng hợp lý và có hiệu quả các thiết bị giáo dục và đồ dùng dạy học. Lập kế hoạch mua sắm bổ sung các thiết bị giáo dục và đồ dùng dạy học như bản đồ, tranh ảnh, hóa chất;

Có chế độ khen thưởng để khuyến khích, động viên giáo viên tự làm đồ dùng dạy học;

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có thư viện, tuy nhiên được tận dụng từ một phần không gian của hội trường;

Thư viện trường đảm bảo đầy đủ danh mục sách tối thiểu theo quy định. Thư viện có sách tham khảo nhiều chủng loại, tài liệu tham khảo, báo, sách truyện thiếu nhi... được sắp xếp trên kệ và trong tủ kính cùng với các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động giáo dục nhà trường và hằng năm luôn được bổ sung [H25-3.6-01];

b) Nhìn chung, hoạt động của thư viện đã đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, dạy và học của giáo viên, nhân viên và học sinh. Hoạt động của thư viện hằng năm được thực hiện đúng theo nội quy, quy định [H25-3.6-01];

Phần theo dõi mượn, trả tài liệu, sách giáo khoa và nhiều loại văn bản khác được ghi chép cụ thể, rõ ràng. Tuy nhiên, tỷ lệ mượn sách báo, tài liệu tham khảo của giáo viên, nhân viên và học sinh chưa cao

c) Thư viện thường xuyên cung cấp các tài liệu tham khảo, sách pháp luật, báo... phục vụ cho công việc tìm hiểu các kiến thức phục vụ công tác quản lý, giảng dạy của cán bộ, giáo viên. Tổ chức phòng đọc và tạo điều kiện để giáo viên và học sinh mượn sách, báo, tài liệu tham khảo. Chưa tổ chức thư viện điện tử [H25-3.6-01].

Mức 2:

Thư viện của nhà trường chưa đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên [H25-3.6-01];

2. Điểm mạnh

Thư viện nhà trường có tương đối đầy đủ các loại sách tham khảo phục vụ cho giáo viên, nhân viên và học sinh; có đầy đủ hồ sơ, sổ sách của cán bộ thư viện đúng theo quy định. Hằng năm, nhà trường tiếp tục bổ sung số lượng đầu sách khoảng 5 triệu đồng. Thư viện thường xuyên mở cửa đảm bảo cho việc mượn tài liệu phục vụ việc dạy và học.

Phong trào đọc sách, báo tạp chí trong trường đã được phát động, duy trì nhiều năm.

3. Điểm yếu

Thư viện trường chưa được bố trí phù hợp, số lượng học sinh đọc sách chưa nhiều;

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhân viên thư viện làm tốt công tác giới thiệu sách để tăng thêm số lượng bạn đọc. Sắp xếp, phân loại và bổ sung sách tại thư viện.

Trong năm học 2019-2020, xây dựng kế hoạch thành lập thư viện mở tại các lớp học, bố trí thêm bàn ghế cho học sinh và giáo viên đọc sách. Dự kiến bố trí khoảng 20 bộ bàn ghế đá tại khuôn viên cây xanh nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Trường trung học cơ sở Nguyễn Huệ được UBND tỉnh công nhận” Trường trung học đạt chuẩn quốc gia” năm 2015.

Trường có đủ hệ thống các phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng; bàn ghế học sinh đạt chuẩn đúng qui cách phù hợp lứa tuổi học sinh trung học cơ sở, đủ bảng chống lóa, bảng hiệu đảm bảo cho việc dạy và học.

Đảm bảo đầy đủ khối phòng phục vụ học tập, trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lý, dạy và học theo quy định của Điều lệ trường trung học.

Lãnh đạo nhà trường và các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường cùng các giáo viên luôn luôn giáo dục các em học sinh giữ gìn vệ sinh môi trường chung, xây dựng tốt nề nếp tự giác giữ gìn vệ sinh, cảnh quan môi trường Xanh - Sạch - Đẹp.

Bên cạnh những ưu điểm đó, nhà trường cũng không tránh khỏi những khó khăn cần khắc phục như: Cơ sở vật chất xây dựng mau xuống cấp do trường nằm trên khu vực được bao quanh trước kia là nước mặn, trang thiết bị mua sắm mau hư hỏng,... vì vậy, một số hạng mục đang trên đà xuống cấp, lạc hậu nên gặp nhiều khó khăn trong các hoạt động, trong việc đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng CNTT... Hệ thống sân bãi thể dục chưa được hoàn thiện, vẫn còn nền móng sát mặt đất, khi trời mưa bị ngập úng, không đảm bảo điều kiện an toàn để thực hiện giảng dạy và vui chơi cho học sinh.

Số tiêu chí đạt Mức 2: 06

Số tiêu chí không đạt: 0

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 3: Đạt Mức 2

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động. Nhà trường đã chủ động

tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương để huy động nguồn lực phát triển nhà trường và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất; tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học; khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc khác và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương, huy động sự tham gia của cộng đồng để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh và thực hiện tốt mục tiêu, kế hoạch giáo dục.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có Ban đại diện CMHS thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động theo điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh do Bộ GD&ĐT ban hành (Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011). Mỗi năm học Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp thực hiện ít nhất 2 phiên họp thường kỳ, các phiên họp đều có khoảng 95% CMHS tham gia và nhất trí cao với kế hoạch năm học của nhà trường. Tuy nhiên, vẫn có thành viên trong Ban đại diện CMHS chưa thật sự phát huy hết chức năng, nhiệm vụ [H26-4.1-01].

b) Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện CMHS được xây dựng rõ ràng [H26-4.1-02].

Hàng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức họp 3 lần: vào đầu năm học, cuối học kỳ I và vào cuối năm học. Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban đại diện CMHS thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ và cùng nhà trường thực hiện nhiệm vụ năm học như tạo điều kiện về thông tin, tài liệu, thời gian, địa điểm, bàn ghế, loa máy phục vụ để Ban đại diện CMHS tổ chức các cuộc họp định

kỳ hoặc đột xuất; luôn phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện CMHS trong công tác giáo dục học sinh [H26-4.1-03];

c) Định kỳ nhà trường tổ chức các cuộc họp với cha mẹ học sinh thông qua giáo viên chủ nhiệm lớp và trực tiếp họp với Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp, Ban đại diện cha mẹ học sinh trường để trao đổi, chia sẻ, tiếp thu ý kiến về công tác quản lý nhà trường, các biện pháp giáo dục học sinh, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh và góp ý kiến cho các hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh [H26-4.1-04].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh và nhà trường họp định kỳ và họp đột xuất khi có yêu cầu công việc. Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; các hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh được nhà trường đăng trên trang Web của trường; Phối hợp với ban đại diện CMHS trong việc huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp [H26-4.1-03]; [H26-4.1-05].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện CMHS có tổ chức, nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện CMHS.

Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện CMHS hoạt động.

Tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất giữa nhà trường với CMHS, Ban đại diện CMHS để tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp giáo dục học sinh, giải quyết các kiến nghị của CMHS, góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện CMHS.

3. Điểm yếu

Một số thành viên trong Ban đại diện CMHS của lớp và của trường chưa thực sự nhiệt tình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Đẩy mạnh hoạt động của Ban đại diện CMHS nhằm kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình trong công tác giáo dục. Vận động CMHS tham gia tích cực, nhiệt tình hơn trong các hoạt động.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thường xuyên tham mưu với ngành, cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể địa phương nhằm huy động các nguồn lực để xây dựng, tu sửa cơ sở vật chất của nhà trường vào dịp hè, trước khi khai giảng năm học mới như lát gạch các phòng học, xây các bồn hoa, làm sân bê tông lát gạch, Sửa chữa nhà vệ sinh, sửa chữa bàn ghế Do vậy, cơ sở vật chất nhà trường và khung cảnh sư phạm luôn luôn được tu bổ khang trang sạch đẹp [H14-1.6-01];

b) Nhà trường phối hợp với các tổ chức trong và ngoài nhà trường tổ chức thực hiện nghiêm túc Luật Giao thông đường bộ; không chơi các trò chơi nguy hiểm, tránh tai nạn thương tích, có kế hoạch cụ thể phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh thông qua các tiết ngoại khóa của Đội, chuyên môn [H21-1.10-04]. Kế hoạch giáo dục của nhà trường được niêm yết tại trường và đăng lên trang Web trường [H18-1.8-02];

c) Trường tích cực huy động các nguồn lực của các cá nhân và tập thể, nhất là từ nguồn xã hội hóa để xây dựng cơ sở vật chất trường học ngày càng hoàn thiện tạo điều kiện thuận lợi cho công tác dạy và học của nhà trường, đồng thời đã dành nhiều kinh phí để khuyến khích, khen thưởng cho học sinh có thành tích cao trong học tập. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế của địa phương còn khó khăn nên việc huy động xã hội hóa chưa tích cực [H1-1.1-06];

Mức 2:

a) Nhà trường có kế hoạch ngay từ đầu năm học về tổ chức tuyên truyền mục tiêu, kế hoạch giáo dục; nhiệm vụ năm học; nội dung các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành; nội dung, phương pháp dạy học; công tác xã hội hóa giáo dục đến các tổ chức chính trị, xã hội, các đoàn thể và nhân dân địa phương thông qua các cuộc họp cha mẹ học sinh toàn trường, các cuộc họp với Ủy ban nhân dân xã, Hội đồng nhân dân xã và đánh giá, rút kinh nghiệm vào cuối kỳ, cuối năm học nên nhận thức của nhân dân về giáo dục ngày càng chuyển biến tích cực, đã tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng, tạo điều kiện cho toàn xã hội cùng tham gia làm công tác giáo dục, thực hiện mục tiêu, kế hoạch giáo dục [H18-1.8-02]; [H1-1.1-06].

b) Hằng năm nhà trường phối hợp với Đoàn cơ sở xã Phước Hưng, Hội Cựu chiến binh xã, Hội Phụ nữ xã cùng với tổ chức Đoàn, Đội, chuyên môn trong nhà trường để giáo dục học sinh về truyền thống lịch sử, văn hóa như lịch sử văn hóa địa phương thông qua các tiết dạy trên lớp ở các bộ môn: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí..., giáo dục đạo đức lối sống, pháp luật không chỉ trong giảng dạy mà ở cả việc tuyên truyền phối hợp cùng công an, hội phụ nữ để học sinh có kiến thức và sự hiểu biết thực tế về pháp luật; Tham gia các hoạt động văn nghệ (văn nghệ “Mừng Đảng, mừng xuân”, ngày thống nhất đất nước, chào mừng ngày 20/11). Tích cực tham gia các hoạt động thể dục thể thao như: Hội khỏe Phù Đổng, Hội thi cờ vua trẻ Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đạt giải nhất và nhì Tỉnh, tham gia các trận giao hữu bóng đá trong ngành và ở địa phương; học sinh tham gia chơi bóng chuyên, bóng đá, bóng rổ sau giờ tan trường với tinh thần hăng say; chăm sóc di tích lịch sử (quét dọn, lau chùi, nhổ cỏ xung quanh khuôn viên đài liệt sĩ xã Phước Hưng, đền thần áp Lò Vôi...; Chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương (Học sinh và giáo viên đến thăm và động viên các gia đình liệt sĩ, bà mẹ Việt Nam anh hùng). Tổ chức học lớp đối tượng đoàn; ngoại khoá về hình ảnh anh Bộ đội cụ Hồ; tọa đàm trao đổi về truyền thống phụ nữ Việt Nam nhân ngày 20-10 (Ôn lại truyền thống ngày 20/10, thi nấu ăn, cắm hoa...) [H7-1.3-15]

2. Điểm mạnh

Các tổ chức, đoàn thể ở địa phương rất quan tâm, nhiệt tình trong việc phối hợp tốt với nhà trường trong việc giáo dục học sinh về truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc và địa phương một cách có hiệu quả.

Liên đội tổ chức có hiệu quả các hoạt động tình nghĩa.

Công tác xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh, nhận thức về giáo dục của xã hội và nhân dân ngày càng chuyển biến; các tổ chức, đoàn thể và nhân dân ở địa phương tích cực cùng nhà trường thực hiện mục tiêu và kế hoạch phát triển giáo dục của địa phương.

3. Điểm yếu

Một số học sinh chưa nhiệt tình tham gia các phong trào đền ơn đáp nghĩa, giúp đỡ gia đình thương binh, liệt sĩ và bảo vệ các di sản văn hóa địa phương

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phát huy hiệu quả việc phối hợp với các tổ chức, đoàn thể ở địa phương để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh. Làm tốt hơn nữa công tác chăm sóc các di tích lịch sử, cách mạng, chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ gia đình có công với nước ở địa phương.

Có hình thức xử lý nghiêm đối với những học sinh không bảo vệ các di sản văn hoá địa phương và những học sinh không tham gia các phong trào đền ơn đáp nghĩa. Tiếp tục tuyên truyền đến các tổ chức đoàn thể về các mục tiêu và kế hoạch giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Ban đại diện CMHS trường và các Ban đại diện CMHS lớp được tổ chức hoạt động có hiệu quả, đúng theo Điều lệ Ban đại diện CMHS do Bộ GD&ĐT ban hành. Trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường. Vì vậy, Đảng ủy, chính quyền địa phương luôn quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hoạt động giáo dục. Làm tốt công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, nhân dân địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh nên đã xây dựng được môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh trong và ngoài nhà trường. Nhà trường đã phối hợp với các tổ chức đoàn thể của địa phương, huy động được sự tham gia của cộng đồng để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh và thực hiện mục tiêu, kế hoạch giáo dục.

Bên cạnh những thuận lợi đó, nhà trường cũng không tránh khỏi những khó khăn như: Một số đồng chí trong Ban đại diện CMHS của lớp và của trường chưa thực sự nhiệt tình; một số phụ huynh chưa thực sự quan tâm đến việc học tập của con em, một số học sinh vẫn chưa có ý thức cao đối với công tác xã hội

Số tiêu chí đạt Mức 2: 02

Số tiêu chí không đạt: 0

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 4: Đạt Mức 2

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Thực hiện nguyên lí giáo dục của Đảng “Học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với xã hội, lí luận gắn liền với thực tiễn”; thực hiện Điều 27, Mục 4 Luật Giáo dục sửa đổi: Giáo dục trung học cơ sở nhằm giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục tiểu học, có học vấn phổ thông ở trình độ cơ sở và những hiểu biết ban đầu về kĩ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học trung học phổ thông, trung cấp, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động; thực hiện nghiêm túc Quyết định số 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành chuẩn kiến thức và kỹ năng chương trình giáo dục phổ thông, nhà trường đã có kế hoạch triển khai các nội dung giáo dục trong đội ngũ giáo viên và

học sinh. Từ Lãnh đạo đến các tổ chuyên môn đều có kế hoạch và biện pháp chỉ đạo cụ thể tới thầy cô giáo. Từ đó, giáo viên đã trực tiếp thực hiện công tác dạy và học, giúp học sinh nâng cao chất lượng học tập. Do vậy, 5 năm qua kết quả rèn luyện và học tập của học sinh đạt nhiều thành tích khả quan. Chất lượng chung về học lực cũng như kết quả học sinh giỏi đạt giải các bộ môn trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh và chất lượng hạnh kiểm học sinh toàn trường luôn được ổn định. Bên cạnh đó, kết quả giáo dục thể chất, giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề cũng đạt khá cao. Thành tích này đã góp phần quan trọng để duy trì và phát triển những thành tích chung cho nhà trường

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thực hiện nghiêm túc kế hoạch thời gian năm học theo quyết định của UBND tỉnh và sở giáo dục và đào tạo. Ngay từ đầu mỗi năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch giảng dạy và học tập từng môn học rất cụ thể, chi tiết. Hiệu trưởng ký phê duyệt phân phối chương trình của từng môn học và ra quyết định ban hành phân phối chương trình của từng năm học [H1-1.1-04]; [H27-5.1-02]

b) Giáo viên và học sinh biết sử dụng hợp lý sách giáo khoa trong dạy và học, dạy học tích hợp, thực hiện cân đối giữa truyền thụ kiến thức với rèn luyện kỹ năng tư duy cho học sinh. Triển khai chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học của

giáo viên và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá trong học tập, sử dụng các phương pháp dạy học hiện đại nhằm phát huy năng lực của học sinh, lên kế hoạch cụ thể để giáo viên thực hiện [H10-1.4-04]. Hằng năm, nhà trường có kế hoạch hoạt động theo từng chuyên đề được hiệu trưởng phê duyệt và thực hiện đầy đủ kế hoạch đã đề ra. Thực hiện tốt nội dung đánh giá việc hướng dẫn học sinh học tập tích cực chủ động [H10-1.4-03]; [H18-1.8-02]; [H10-5.1-01];

Nhà trường thường xuyên tổ chức thao giảng, thi giảng, hội thảo các chuyên đề đổi mới phương pháp và ứng dụng CNTT trong dạy học ở tổ chuyên môn, trường, huyện, tỉnh để rút kinh nghiệm, nâng cao chất lượng giờ dạy trên lớp. Lên kế hoạch, trong năm học mỗi giáo viên phải soạn giảng ít nhất 2 giáo án điện tử và ứng dụng hợp lý công nghệ thông tin trong dạy học. Tổ chức các lớp tập huấn cho giáo viên về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và phương pháp đổi mới kiểm tra, đánh giá. Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau kết quả học tập. Tuy nhiên, việc khai thác và sử dụng CNTT chưa nhiều, đôi khi còn lạm dụng trình chiếu [H10-1.4-05]; [H18-1.7-07];

c) Các hình thức kiểm tra đánh giá học sinh được thực hiện đa dạng bằng nhiều hình thức. Nhà trường thực hiện nghiêm túc đánh giá kết quả học tập của học sinh theo Thông tư 58 của Bộ GD&ĐT, đảm bảo công bằng, khách quan [H18-1.7-07];

Mức 2:

a) Hằng tuần, hằng tháng nhà trường có kế hoạch kiểm tra, rà soát đánh giá kịp thời việc thực hiện kế hoạch thời gian năm học cũng như kế hoạch giảng dạy và học tập. Nhằm đảm bảo thực hiện quy chế chuyên môn trong trường, ngay từ đầu năm học nhà trường đã xây dựng kế hoạch dự giờ, thăm lớp của lãnh đạo nhà trường, của các tổ trưởng và giáo viên theo qui định. Thực hiện kế hoạch kiểm tra nội bộ hoạt động sư phạm của giáo viên trong năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch tổ chức thao giảng, thanh tra chuyên đề và toàn diện cho mỗi tổ chuyên môn, để từ đó có thể đánh giá chất lượng giảng dạy của giáo viên (Hằng năm kiểm tra toàn diện 30% và chuyên đề 70% số giáo viên). Từ đó có kế hoạch chỉ đạo thực hiện điều chỉnh, bổ sung kịp thời đối với các môn chậm chương trình [H1-1.1-04]; [H18-5.1-06];

b) Đầu các năm học, nhà trường tiến hành khảo sát chất lượng bộ môn để phân loại học sinh giỏi, yếu, kém và có các biện pháp bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kém, giúp đỡ học sinh vươn lên trong học tập [H18-5.1-05];

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch cụ thể chỉ đạo việc giảng dạy từng môn học theo hướng dẫn của Bộ, Sở GD&ĐT.

Lãnh đạo thường xuyên kiểm tra, ký duyệt các kế hoạch, giáo án của giáo viên theo định kỳ và đột xuất.

Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên hằng tháng, hằng tuần của Lãnh đạo và tổ trưởng chuyên môn giúp giáo viên nâng cao hơn ý thức thực hiện theo đúng

kế hoạch giảng dạy và học tập, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Công tác đổi mới phương pháp dạy học nhằm khuyến khích sự chuyên cần, tích cực chủ động, ý thức vươn lên rèn luyện khả năng tự học của học sinh được nhà trường thực hiện thường xuyên và có hiệu quả từ nhiều năm nay. Trong đó việc hướng dẫn cho học sinh sử dụng hợp lý sách giáo khoa, việc ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp của giáo viên, việc đổi mới kiểm tra đánh giá và hướng dẫn học sinh tự đánh giá được đặc biệt chú ý thực hiện có hiệu quả.

Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu kém đã được nhà trường tổ chức thực hiện có nề nếp và hiệu quả từ nhiều năm nay. Đội ngũ có nhiều giáo viên có năng lực và kinh nghiệm bồi dưỡng học sinh giỏi, tinh thần và ý thức trách nhiệm tốt. Hầu hết giáo viên trong trường đều có ý thức trách nhiệm, tận tụy với việc giúp đỡ học sinh yếu nhằm giúp các em vươn lên trong học tập.

3. Điểm yếu

Việc khai thác và sử dụng CNTT chưa nhiều và đôi khi còn lạm dụng trình chiếu.

Số lượng học sinh tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi ở các môn còn ít và thành tích của đội tuyển học sinh giỏi chưa cao;

Việc triển khai các chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá chưa sâu, chưa kích thích giáo viên tìm tòi, sáng tạo mở rộng;

Một số ít học sinh còn lười nhác, ý thức học tập kém.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Rà soát lại những giáo viên đạt chuẩn, động viên và tạo điều kiện cho cho giáo viên tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, ứng dụng tốt công nghệ thông tin và đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tinh thần tích cực chủ động sáng tạo của học sinh.

Lấy tổ chuyên môn làm đơn vị chủ chốt trong việc triển khai các chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh trong suốt thời gian các năm học.

Giao trách nhiệm để giáo viên các môn thi học sinh giỏi phải tự học tự bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực bồi dưỡng học sinh giỏi.

Đưa kết quả bồi dưỡng học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu kém vào tiêu chí thi đua và xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Việc xây dựng kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện được nhà trường đưa vào kế hoạch hoạt động giáo dục năm học, đồng thời lập danh sách những học sinh này để giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn kết hợp lưu ý nhằm có giải pháp giáo dục phù hợp, phát huy đúng năng lực sở trường của học sinh để từ đó các em có động lực tham gia các hoạt động giáo dục của nhà trường [H18-1.8-02]; [H18-5.1-05]

b) Việc tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện được nhà trường triển khai cụ thể đến giáo viên, được phổ biến trong các buổi họp chuyên môn, được các tổ chuyên môn sinh hoạt trong các buổi sinh hoạt tổ chuyên môn. Trên cơ sở xác định năng lực chuyên môn, nhà Lãnh đạo nhà trường phối hợp tổ chuyên môn và giáo viên chỉ nhiệm rà soát đối tượng học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu. Đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhà trường tìm hiểu kỹ sau đó vận động mạnh thường quân hoặc đề xuất cho các em những suất học bổng nhằm hỗ trợ cho các em có điều kiện đến trường và an tâm học tập. Đối với những học sinh có năng khiếu về thể thao nhà trường thành lập các câu lạc bộ năng khiếu như bóng đá, cờ vua,... để các em tham gia tập luyện và tạo nguồn để tham gia các hội thi về thể thao, những học sinh có khăng khiếu các môn văn hóa nhà trường phân công giáo viên có năng lực bồi dưỡng để bồi dưỡng các em, giúp các em có đủ kiến thức năng lực và phẩm chất để tham gia các kỳ thi học sinh giỏi các cấp [H18-1.8-02]; [H10-1.4-03]

c) Việc đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện được nhà trường rà soát, đánh giá hàng năm, được thể hiện trong báo cáo chuyên môn cuối năm học [H18-1.7-07];

Mức 2:

Mục tiêu giáo dục của nhà trường luôn bám sát mục tiêu cụ thể của ngành trong từng năm học, đồng thời căn cứ tình hình của trường, nên những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện luôn đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục [20-1.7-04];

2. Điểm mạnh

Trường có kế hoạch cụ thể và triển khai tốt việc thực hiện công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở địa phương. Nhiều năm liên trường đã được cấp trên công nhận trường hoàn thành công tác phổ cập. Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ phổ cập theo từng năm học; đã hoàn thành phổ cập trung học cơ sở mức độ 2;

3. Điểm yếu

Nguồn kinh phí vận động giúp đỡ học sinh khó khăn còn hạn chế.

Việc phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu chưa kịp thời, kế hoạch thực hiện chưa cụ thể.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng cụ thể kế hoạch huy động mọi nguồn lực hỗ trợ cho học sinh nghèo, các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhằm tiếp thêm niềm tin, thêm nghị lực để các em được đến trường. Cụ thể trong năm học 2019-2020, lãnh đạo nhà trường thực hiện phong trào giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn là mỗi giáo viên nhận giúp đỡ một học sinh khó khăn về kinh tế hoặc khó khăn trong học tập, giáo viên phải có nhiệm vụ giúp đỡ các em vượt qua khó khăn hiện tại, không để học sinh nghỉ học vì hoàn cảnh gia đình khó khăn hoặc kết quả cuối năm học đạt học lực trên Trung bình. Từ đó đảm bảo duy trì sĩ số của nhà trường và nâng cao chất lượng đại trà, tạo sự gần gũi của học sinh và giáo viên, tạo uy tín và niềm tin đối với cha mẹ học sinh.

Ngay từ giai đoạn học đầu cấp (lớp 6), giáo viên bộ môn phát hiện những học sinh có năng khiếu, lập danh sách gửi lãnh đạo nhà trường đồng thời tổ chức bồi dưỡng, luyện tập để phát huy năng khiếu đó đồng thời là nguồn lực để tham gia các hội thi ở các cấp;

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo quy định tại Công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008 của Bộ GD&ĐT về việc Hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục địa phương ở các cấp trung học cơ sở cụ thể các môn: Văn, Sử, Địa có nội dung giáo dục địa phương. Nội dung giáo dục lịch sử địa phương được thể hiện cụ thể trong giáo án của giáo viên [H27-5.1-02]; [H27-5.3-01];

b) Nhà trường cùng các tổ chuyên môn tổ chức kiểm tra, đánh giá các nội dung giáo dục địa phương theo quy định; Ban Giám hiệu, tổ trưởng chuyên môn dự giờ, kiểm tra kế hoạch giảng dạy, giáo án dạy nội dung giáo dục địa phương của các giáo viên Văn, Sử, Địa để nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. Hồ sơ kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục địa phương có ở hồ sơ tổ chuyên môn [H10-1.4-05];

c) Hằng năm, trường đều chỉ đạo các tổ chuyên môn rà soát, đánh giá nội dung giáo dục địa phương từng môn học, đề xuất điều chỉnh nội dung. Tài liệu giáo dục địa phương ở một số môn còn thiếu, giáo viên giảng dạy phải nghiên cứu, tìm hiểu, cập nhật tài liệu, bổ sung các nội dung giáo dục địa phương cho phù hợp với thực tiễn của địa phương. Tuy nhiên, công tác ngoại khóa, tìm hiểu di tích lịch sử, văn hóa tại địa phương còn hạn chế. [H18-1.8-02]; [H10-1.4-03]

Mức 2:

Các môn học có lồng ghép nội dung giáo dục địa phương được thực hiện hợp lý, gắn lý luận với thực tiễn [H27-5.3-01];

2. Điểm mạnh

Thực hiện nghiêm túc nội dung giáo dục địa phương theo hướng dẫn của Sở giáo dục và đào tạo.

Giáo viên hoàn thành đầy đủ, đúng phân phối chương trình giáo dục địa phương theo quy định.

3. Điểm yếu

Việc thực hiện được rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương hằng năm chưa thường xuyên do khả năng của giáo viên và không có nguồn tư liệu.

Tài liệu giáo dục địa phương ở một số môn còn thiếu, giáo viên giảng dạy phải nghiên cứu, tìm hiểu, cập nhật tài liệu, bổ sung các nội dung giáo dục địa phương cho phù hợp với thực tiễn của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Chú trọng hơn việc sử dụng tài liệu giáo dục địa phương do Sở giáo dục và đào tạo cung cấp. Tăng cường công tác tuyên truyền về tầm quan trọng của chương trình giáo dục địa phương trong đội ngũ cán bộ, giáo viên, HS. Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, dự giờ đánh giá về giáo dục địa phương để nâng cao hiệu quả giáo dục về công tác này.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

- a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;
- b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;
- c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;
- b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Tùy theo điều kiện từng năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh. Các hoạt động trải nghiệm được nhà trường thực hiện thông qua các hoạt động của Liên đội, chi đoàn, thông qua các tiết dạy Hoạt động Ngoài giờ lên lớp hoặc được lồng và các tiết dạy của giáo viên. Hoạt động hướng nghiệp của nhà trường do Hiệu trưởng đảm nhận, trên cơ sở xây dựng kế hoạch từ đầu năm, Hiệu trưởng tiến hành dạy hướng nghiệp cho học sinh khối 9, học sinh khối 9 được tham quan, giao lưu với trường cao đẳng nghề Bà Rịa – Vũng Tàu, thông qua đó nhà trường có hướng phân luồng học sinh phù hợp với khả năng của các em sau tốt nghiệp trung học cơ sở, đồng thời hoạt động hướng nghiệp cũng được lồng ghép vào các tiết dạy trên lớp của giáo viên [H28-5.4-01].

- b) Hàng năm có tổ chức một số hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, trò chơi dân gian cho học sinh trong và ngoài trường như thi văn nghệ, cắm hoa, nấu ăn, vẽ tranh, kéo co, đá cầu, bóng đá tạo không khí vui tươi sôi nổi cho học sinh.

Tổ chức Hội khỏe Phù Đổng hoặc hội thao cấp trường, tham gia tích cực Hội khỏe Phù Đổng cấp huyện, cấp tỉnh và các hội thi văn nghệ, thể thao do Phòng giáo dục và Sở giáo dục đào tạo tổ chức.

Học sinh tham gia khá tốt hoạt động bảo vệ, chăm sóc, giữ gìn vệ sinh môi trường, tạo cảnh quan ngày càng sạch, đẹp, góp phần xây dựng trường học thân thiện. [H28-5.4-02].

c) Các hoạt động trải nghiệm được nhà trường tổ chức lồng ghép vào các tiết dạy chính khóa ở một số môn, vào các tiết Hoạt động Ngoài giờ lên lớp, giáo viên được phân công là những người có năng lực chuyên môn nhiều năm kinh nghiệm. [H28-5.4-02]; [H28-5.4-03]

Mức 2:

a) Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức với nhiều hình thức phong phú phù hợp học sinh và đã đạt kết quả thiết thực [H28-5.4-02];

b) Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được rà soát, đánh giá hàng năm thông qua các buổi họp giao ban và chuyên môn của nhà trường [H1-1.1-04]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tổ chức giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề cho học sinh phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Học sinh tham gia học tập nghiêm túc và đạt kết quả cao.

Nhà trường có xây dựng kế hoạch hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp cho học sinh, có sự phân công thực hiện hợp lý và đánh giá kết quả thực hiện.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên thực hiện hướng dẫn các hoạt động trải nghiệm chưa thu hút học sinh tham gia, các hoạt động hướng nghiệp thực hiện chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch trải nghiệm cụ thể hơn, phân công giáo viên tổ chức các hoạt động trải nghiệm phải đảm bảo thu hút học sinh tham gia.

Thực hiện hướng nghiệp cho học sinh phải thường xuyên và mang lại hiệu quả tích cực.

Trong năm học 2019-2020 tổ chức cho học sinh các hoạt động trải nghiệm sau:

Tham quan trường Cao đẳng nghề Bà Rịa – Vũng Tàu tại huyện Đất Đỏ: dành cho học sinh khối 9.

Các hoạt động trên lớp phải thay đổi bằng hình thức cho học sinh đi quan sát, tìm tòi, thu thập và đưa ra kết luận: ví dụ môn Sinh học có thể thực hiện tại trường, môn Lịch sử tổ chức cho học sinh trải nghiệm di tích Dinh Cô (Long Hải-Long Điền) hoặc địa đạo Long Phước (Bà Rịa)

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã có kế hoạch tổ chức giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh rất cụ thể. Chú trọng công tác giáo dục, rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng ra quyết định, suy xét và giải quyết vấn đề, kỹ năng đặt mục tiêu, kỹ năng ứng phó, kiểm chế, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm cho học sinh trong mọi hoạt động giáo dục của trường [H28-5.5-01]. Tất cả giáo viên đứng lớp đều được tập huấn và thực hiện tốt việc tích hợp giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống trong các giờ dạy của từng bộ môn [H28-5.5-02]. Có kế hoạch hằng tháng, tuần cụ thể, rõ ràng về công tác giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, ngoại khóa, chuyên đề, các hội thi. Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh lên kế hoạch cụ thể và tổ chức các hoạt động giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh. Tuy vậy, một số ít học sinh kỹ năng và văn hóa giao tiếp ứng xử đang còn hạn chế [H28-5.5-03];

b) Trường đã tiến hành giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua giáo dục ý thức chấp hành luật giao thông, đuối nước và các tai nạn thương tích khác; thực hiện các quy định về cách ứng xử có văn hóa, đoàn kết thân ái giúp đỡ lẫn nhau [H28-5.5-03];

c) Hình thành cho học sinh có đạo đức, lối sống tốt, phát triển nhân cách và cách ứng xử phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam [H28-5.5-03];

Mức 2:

a) Thông qua các tiết học, học sinh hình thành và biết cách tự đánh giá kết

qua học tập và rèn luyện, hình thành sự tự tin, tự nhận biết cho mỗi học sinh [H13-1.5-02];

b) Với những kiến thức đã học, một số học sinh đã biết vận dụng vào thực tiễn, ví dụ: học sinh biết cách xử lý khi xảy ra sinh mâu thuẫn, biết vận dụng kiến thức công nghệ thông tin đã học tìm tòi các tài liệu học tập trên mạng, biết tự tổ chức các hoạt động nhóm, biết tự học, tự bảo vệ bản thân từ đó học sinh từng bước hình thành và phát triển nhân cách [H28-5.5-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có quan tâm giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh.

Chương trình giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, duy trì thường xuyên, có hiệu quả thông qua các giờ học trên lớp, các hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; có kế hoạch năm, tháng, tuần cụ thể; được nhà trường chỉ đạo, giám sát, kiểm tra chặt chẽ đạt hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Một số ít học sinh trong giao tiếp ứng xử đang còn nhiều hạn chế.

Còn những học sinh khả năng kiểm chế yếu, hay gây gổ; một số em ý thức chấp hành kỷ luật chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phổ biến tới tất cả các cán bộ, giáo viên, nhân viên cũng như học sinh hiểu rõ tầm quan trọng của giáo dục về kỹ năng sống và ứng xử có văn hoá trong nhà trường ngay từ đầu năm;

Tổ chức thực hiện tốt hơn việc giáo dục tư vấn về sức khỏe thể chất, tinh thần, giáo dục về giới tính, tình yêu, hôn nhân và gia đình thông qua hoạt động ngoại khóa và tích hợp trong nội dung các môn Sinh học, Giáo dục công dân; thường xuyên kiểm tra đánh giá việc thực hiện của cán bộ, giáo viên;

Tăng cường thêm nhiều hình thức giáo dục kỹ năng sống mà trọng tâm là giáo dục những kỹ năng học sinh còn yếu như kỹ năng kiểm chế, ứng xử. Phát huy hơn nữa vai trò của tổ tư vấn học đường đối với học sinh và phụ huynh nhằm giúp các em những kỹ năng cần thiết.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Kết quả học lực của học sinh tăng theo từng năm học [H18-1.7-07], cụ thể

Năm học	GIỎI	KHÁ	TB	YẾU	KÉM
2014-2015	148/843 17,56%	273/843 32,38%	370/843 43,89%	26/843 3,08%	7/843 0,83%
2015-2016	99/587 16,87%	185/587 31,52%	287/587 48,89%	13/587 2,21%	2/587 0,34%
2016-2017	53/386 13,73%	125/386 32,38%	202/386 52,33%	5/386 1,30%	1/386 0,26%
2017-2018	185/929 19,91%	319/929 34,34%	418/929 44,99%	1/929 0,11%	6/929 0,65%
2018-2019	210/946 22,2%	338/946 35,73%	328/946 34,67%	69/946 7,29%	1/946 0,11%

Kết quả hạnh kiểm của học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường; [H18-1.7-07]

Năm học	TỐT	KHÁ	TB	YẾU	KÉM
2014-2015	657/823 79,82%	156/823 18,96%	10/823 1,22%	/	/
2015-2016	457/587 77,85%	126/587 21,47%	3/587 0,51%	/	/
2016-2017	310/386 80,31%	75/386 19,43%	1/386 0,26%	/	/

2017-2018	788/929 84,82%	141/929 15,18%	/	/	/
2018-2019	842/946 89,01%	104/946 10,99%	/	/	/

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H18-1.7-07], [H29-5.6-01], cụ thể

Năm học	Khối 6	Khối 7	Khối 8	TN TRUNG HỌC CƠ SỞ KHỐI 9
2014-2015	221/243 90,95%	214/220 97,3%	178/181 99,34%	177/179 98,9%
2015-2016	254/254 100%	208/214 97,20%	197/201 98,01%	166/172 96,51%
2016-2017	257/257 100%	247/247 100%	195/198 98,48%	185/188 98,40
2017-2018	270/275 98,2%	244/246 99,2%	223/223 100%	185/185 100%
2018-2019	232/234 99,15%	264/267 98,88%	229/231 99,13%	213/214 99,5%

c) Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã tiến hành phân loại học sinh, từ đó tổ chức tư vấn cho học sinh và phụ huynh đăng ký nguyện vọng tuyển sinh vào lớp 10 phù hợp với năng lực học của các em, từ đó phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở đạt yêu cầu đề ra. [H29-5.6-02],

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp, cụ thể chất lượng năm sau cao hơn năm trước, được thể hiện qua bảng số liệu [H18-1.7-07]

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đều tăng trong 05 năm liên tiếp, được thể hiện qua bảng thống kê số liệu từng năm [H18-1.7-07], [H29-5.6-01]

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ học sinh lên lớp, tỷ lệ tốt nghiệp hằng năm cao và ổn định. Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban thấp. Chất lượng học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh trong 5 năm gần đây tăng mạnh và bền vững

3. Điểm yếu

Còn một số học sinh nghỉ bỏ học giữa chừng.

Còn một số học sinh yếu kém và bỏ học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tổ chức tốt các hoạt động dạy - học và giáo dục trong nhà trường, chú trọng công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém.

Nhà trường phải làm tốt hơn nữa công tác tuyên truyền vận động học sinh đến trường, tạo các sân chơi hấp dẫn, lành mạnh để thu hút học sinh yêu thích trường lớp, tự nguyện đến trường hạn chế học sinh bỏ học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Nhà trường thực hiện đúng các quy định về chuyên môn theo chương trình của Bộ GD&ĐT. Kế hoạch chuyên môn của từng năm học cụ thể, sát với tình hình thực tế và thực hiện đúng theo thời gian. Cuối kỳ, năm có sơ kết, tổng kết, rà soát, đánh giá kết quả đạt được.

Việc đổi mới phương pháp giảng dạy đã thực sự đi vào chiều sâu. Giáo viên đã phát huy vai trò chủ đạo trong việc hướng dẫn học sinh chủ động tiếp thu kiến thức.

Nhiệm vụ phổ cập giáo dục ở địa phương được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Nhà trường đã có kế hoạch và triển khai một cách cụ thể từ đầu năm học. Giáo viên tích cực tham gia và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Nhiều năm liền được cấp trên công nhận phổ cập cấp trung học cơ sở.

Công tác bồi dưỡng và phụ đạo học sinh được nhà trường rất quan tâm. Đầu năm học nhà trường tiến hành khảo sát, phân loại. Tổ, chuyên môn có kế hoạch cụ thể; phân công giáo viên bồi dưỡng, phụ đạo theo kế hoạch tuần, tháng. Vì vậy, tỷ lệ học sinh yếu kém ngày càng giảm. Số lượng học sinh giỏi các cấp ngày càng tăng.

Việc thực hiện chương trình giáo dục địa phương được giáo viên, tổ, chuyên môn rất quan tâm, xem đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong việc giáo dục đạo đức, tư tưởng cho học sinh.

Các hoạt động văn nghệ, thể thao trong nhà trường được tổ chức thường xuyên theo chủ đề, chủ điểm. Vấn đề giáo dục kỹ năng sống cho học sinh được chuyên môn, tổ giáo viên thực sự quan tâm nhằm giáo dục, rèn các kỹ năng sống thông qua các tiết dạy và lồng ghép các nội dung thông qua các hoạt động khác.

Học sinh tích cực tham gia bảo vệ môi trường. Cảnh quan trường luôn sạch đẹp. Hoạt động học tập của học sinh đã đi vào chiều sâu và đạt được kết quả tốt. Tỷ lệ học sinh yếu kém ngày càng giảm, tỷ lệ khá, giỏi ngày càng tăng, số lượng học sinh giỏi các cấp năm sau cao hơn năm trước. Tư tưởng, đạo đức của học sinh ngày càng có sự chuyển biến rõ rệt. Tỷ lệ khá tốt về hạnh kiểm hằng năm đạt trên 90%. Nhiều năm liền nhà trường không có học sinh vi phạm kỷ luật buộc thôi học.

Hoạt động trải nghiệm và giáo dục hướng nghiệp được nhà trường rất quan tâm

Tóm lại, hoạt động giáo dục trong nhà trường hằng năm đạt được kết quả cao. Số học sinh giỏi trường, giỏi huyện, giỏi tỉnh ngày càng tăng, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 100%.

Bên cạnh những thành tích đạt được trong những năm học vừa qua, nhà trường cũng không tránh khỏi những khó khăn như: Một số CBGIÁO VIÊN lớn tuổi nên việc ứng dụng CNTT và giảng dạy còn hạn chế, một số ít học sinh chưa ham học, kỹ năng giao tiếp của một số ít học sinh còn hạn chế.

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4: Không

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Trong suốt quá trình tự đánh giá theo 5 tiêu chuẩn mà Bộ GD&ĐT đã ban hành, tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh Trường trung học cơ sở Nguyễn Huệ hết sức tự hào với những thành quả mà nhà trường đã xây dựng và đạt được trong những năm qua về công tác tổ chức và quản lý nhà trường; chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh; công tác đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học; mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; chất lượng hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục đạt được là tiêu chuẩn phản ánh chính xác, khách quan nhất chất lượng giáo dục của nhà trường. Trường trung học cơ sở Nguyễn Huệ đã khẳng định được uy tín và chất lượng so với các trường trong huyện. Hằng năm, có từ 3-6 học sinh giỏi cấp tỉnh; 35-45 học sinh giỏi cấp huyện. Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp trung học cơ sở luôn đạt trên 95%; tỷ lệ đỗ vào các trường trung học phổ thông đạt trên 90% (tính trên số lượng học sinh đăng ký dự thi); chất lượng giáo dục đại trà ổn định và giữ vững đạt trung bình trên 20% học lực giỏi, dưới 5% học lực yếu. Đó thực sự là nguồn động viên, là niềm tự hào của của mỗi thầy giáo, cô giáo và học sinh khi được giảng dạy và học tập ở mái trường này.

Đối chiếu các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong những năm qua với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục của Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 về việc Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể về các tiêu chí và chỉ số như sau :

- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: 28, đạt tỷ lệ 100%
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: 28, đạt tỷ lệ 100%
- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức 2.
- Cơ sở giáo dục phổ thông đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1;

Nhà trường tiếp tục hoàn thiện và cải tiến công tác quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục để đáp ứng nhu cầu thực tiễn xã hội đặt ra trong thời kỳ đổi mới và hội nhập hiện nay./.

Phước Hưng, ngày 15 tháng 09 năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

NGUYỄN HỮU TUẤN